

HỌC VIỆN VTC ACADEMY PLUS



Đồ án HK2

**Website công thông tin
tìm kiếm việc làm JobsJungle**

Class: VTC_SE1

Giáo viên hướng dẫn: Võ Công Định

Sinh viên thực hiện: Nguyễn Văn Hậu

Đà Nẵng, 12/2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN HỆ THỐNG.....	3
I. GIỚI THIỆU HỆ THỐNG:.....	3
1. Tên đề tài:.....	3
2. Giới thiệu đề tài:.....	3
3. Lý do chọn đề tài:.....	4
4. Mục tiêu:.....	4
5. Phương pháp nghiên cứu:.....	6
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT.....	7
I. GIỚI THIỆU PHP:.....	7
II. PHP FRAMEWORK:.....	8
III. MAMP:.....	11
IV. MYSQL:.....	12
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH & THIẾT KẾ HỆ THỐNG.....	15
I. PHÂN TÍCH HỆ THỐNG:.....	15
II. CHỨC NĂNG HỆ THỐNG:.....	15
1. Chức năng của Admin:.....	15
2. Chức năng của Nhà tuyển dụng:.....	16
3. Chức năng của Ứng viên:.....	16
III. CƠ SỞ DỮ LIỆU:.....	17
1. Sơ đồ Use Case:.....	17
Hình 1.1: Mô hình Use Case tổng quát.....	17
2. ĐẶC TẢ Use Case:.....	18
2.1. Use Case Admin:.....	18
2.2. Use Case Nhà Tuyển Dụng:.....	29
2.3. Use Case Ứng viên:.....	37
3. Class Diagram:.....	46
Hình 3.1: Mô hình Class Diagram tổng quát.....	46
4. Sequence Diagram:.....	47
Hình 4.1: Sequence - Admin quản lý Ứng viên.....	47
Hình 4.2: Sequence - Admin quản lý Nhà tuyển dụng.....	47
Hình 4.3: Sequence - Ứng viên quản lý hồ sơ.....	48
Hình 4.4: Sequence - Ứng viên quản lý việc làm.....	48
Hình 4.5: Sequence - Ứng viên tìm kiếm việc làm.....	49
Hình 4.6: Sequence - Ứng viên xem chi tiết việc làm.....	49
Hình 4.7: Sequence - Nhà tuyển dụng xem hồ sơ.....	49
Hình 4.8: Sequence - Nhà tuyển dụng đăng việc làm.....	50
Hình 4.9: Sequence - Nhà tuyển dụng quản lý việc làm.....	50
Hình 4.10: Sequence - User đăng nhập.....	51
Hình 4.11: Sequence - User đăng ký.....	51
Hình 4.12: Sequence - Nhà tuyển dụng & Ứng viên đổi mật khẩu.....	51
5. Activity Diagram:.....	52
Hình 5.1: Mô hình Activity Diagram của Admin.....	52
Hình 5.2: Mô hình Activity Diagram của Nhà tuyển dụng.....	52

Hình 5.3: Mô hình Activity Diagram củaỨng viên.....	53
6. Database Design:.....	54
6.1. Entity Relationship Diagram:.....	54
Hình 6.1: Mô hình ERD tổng quát.....	54
IV. XÂY DỰNG WEBSITE:.....	55
1. UI Design:.....	55
1.1. Logo:.....	55
Hình 1.1: Logo JobsJungle.....	55
1.2. Figma:.....	55
Hình 1.2.1: Giao diện Trang chủ & Danh sách công việc.....	55
Hình 1.2.2: Giao diện Admin Panel Login & Dashboard.....	56
2. Website:.....	57
2.1. Giao diện Trang Chủ:.....	57
Hình 2.1.1: Màn hình Trang chủ.....	57
Hình 2.1.2: Màn hình Trang chủ.....	57
2.2. Giao diện Admin:.....	58
Hình 2.2.1: Màn hình Admin - Đăng nhập.....	58
Hình 2.2.2: Màn hình Admin - Dashboard.....	58
CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN & HƯỚNG PHÁT TRIỂN.....	59
I. TỔNG KẾT:.....	59
II. HƯỚNG PHÁT TRIỂN:.....	59

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN HỆ THỐNG

I. GIỚI THIỆU HỆ THỐNG:

1. Tên đề tài:

“Website công thông tin tìm kiếm việc làm JobsJungle”

2. Giới thiệu đề tài:

- JobsJungle là một dự án công nghệ độc đáo và đầy tham vọng, nhằm mang đến trải nghiệm tuyển dụng hoàn toàn mới cho cả người tìm việc và doanh nghiệp đang tìm kiếm nhân sự. Với sứ mệnh kết nối ứng viên và nhà tuyển dụng một cách nhanh chóng và hiệu quả, JobsJungle không chỉ là một công thông tin việc làm thông thường, mà còn là một không gian tương tác động, nơi mà sự kết nối giữa người tìm việc và doanh nghiệp được tối ưu hóa.
- Điểm độc đáo của JobsJungle nằm ở khả năng tùy chỉnh và cá nhân hóa trải nghiệm tìm kiếm việc làm. Với giao diện thân thiện và tính năng tìm kiếm tiên tiến, người tìm việc có thể dễ dàng lọc và tìm kiếm công việc phù hợp với kỹ năng, kinh nghiệm và mong muốn cá nhân của họ. Đồng thời, doanh nghiệp cũng sẽ tận hưởng trải nghiệm tìm kiếm ứng viên mạnh mẽ và hiệu quả nhờ vào các công cụ quản lý tài khoản linh hoạt và chức năng tương tác đa chiều.
- JobsJungle không chỉ cung cấp danh sách công việc và hồ sơ ứng viên mà còn là nơi mà cộng đồng nhân sự có thể chia sẻ thông điệp, kinh nghiệm, và nhận định về thị trường lao động. Điều này tạo ra một không gian trực tuyến sôi động, nơi mà cả người tìm việc và doanh nghiệp có thể tương tác, học hỏi và tạo ra cơ hội mới.
- Dự án JobsJungle không chỉ tập trung vào việc kết nối người tìm việc và doanh nghiệp một cách thuận tiện mà còn mục tiêu tạo ra một cộng đồng đầy đủ nguồn lực và cơ hội cho sự phát triển chung. Đến với JobsJungle, chúng tôi cam kết định hình lại cách mọi người tìm kiếm và cung cấp việc làm, tạo nên một kết nối mạnh mẽ giữa nguồn nhân lực và doanh nghiệp trong thời đại số ngày nay.

3. Lý do chọn đề tài:

Lựa chọn đề tài "Website công thông tin tìm kiếm việc làm JobsJungle" có thể phụ thuộc vào một số lý do chiến lược và thị trường. Dưới đây là một số lý do phổ biến mà một dự án như JobsJungle có thể được lựa chọn:

Nhu Cầu Thị Trường:

Nhu cầu về tìm kiếm việc làm luôn là một yếu tố quan trọng trong xã hội. Một công thông tin việc làm có thể đáp ứng nhu cầu này và giúp người tìm việc và doanh nghiệp tìm kiếm và kết nối dễ dàng hơn.

Giải Quyết Vấn Đề Thực Tế:

Việc tìm kiếm việc làm có thể là một quá trình phức tạp và cảng thẳng cho nhiều người. Một dự án như JobsJungle có thể giải quyết vấn đề này bằng cách cung cấp một nền tảng thuận tiện và hiệu quả.

Tiềm Năng Kinh Doanh:

Có tiềm năng kinh doanh lớn trong lĩnh vực tuyển dụng và tìm kiếm việc làm. Nếu được triển khai và quảng bá một cách hiệu quả, dự án có thể thu hút sự quan tâm từ doanh nghiệp và người tìm việc.

Kiến Tạo Cộng Đồng:

Tạo ra một cộng đồng trực tuyến trong lĩnh vực việc làm có thể tạo ra giá trị bổ sung cho người tìm việc và doanh nghiệp. Các tính năng tương tác và chia sẻ thông tin có thể giúp xây dựng cộng đồng mạnh mẽ.

4. Mục tiêu:

Mục tiêu của dự án "Website công thông tin tìm kiếm việc làm JobsJungle" có thể được đặt ra để định hình và đạt được những kết quả cụ thể. Dưới đây là một số mục tiêu có thể liên quan đến dự án:

Kết Nối Hiệu Quả Người Tìm Việc và Doanh Nghiệp:

Tạo ra một nền tảng kết nối hiệu quả, giúp người tìm việc dễ dàng tìm kiếm công việc phù hợp và doanh nghiệp tìm kiếm ứng viên chất lượng.

Tối Ưu Hóa Trải Nghiệm Người Dùng:

Cung cấp một trải nghiệm người dùng thân thiện, dễ sử dụng và cá nhân hóa để tăng cường sự hài lòng của người tìm việc và doanh nghiệp.

Xây Dựng Cộng Đồng Mạnh Mẽ:

Tạo ra không gian trực tuyến nơi cộng đồng người tìm việc và doanh nghiệp có thể tương tác, chia sẻ thông tin và kinh nghiệm.

Thu Hút Người Dùng:

Tăng cường chiến lược tiếp thị để thu hút lượng lớn người tìm việc và doanh nghiệp đăng ký và sử dụng JobsJungle.

Chất Lượng Công Việc và Hồ Sơ:

Đảm bảo chất lượng của công việc được đăng và hồ sơ ứng viên thông tin và chính xác, tạo niềm tin từ cả hai bên.

Quản Lý Hiệu Suất:

Đặt ra các chỉ số hiệu suất và theo dõi để đảm bảo hệ thống hoạt động mượt mà và đáp ứng nhu cầu người dùng.

Phát triển Đối Tác Doanh Nghiệp:

Xây dựng đối tác với các doanh nghiệp để mở rộng danh sách công việc và tăng cường cơ hội cho người tìm việc.

Bảo Mật và Quản Lý Dữ Liệu:

Đảm bảo an toàn và bảo mật dữ liệu người dùng và doanh nghiệp, tuân thủ các quy định về bảo mật và quyền riêng tư.

Mở Rộng Quy Mô và Thị Trường:

Mở rộng dịch vụ để bao gồm nhiều lĩnh vực và khu vực rộng lớn hơn.

5. Phương pháp nghiên cứu:

Trong quá trình nghiên cứu cho đề tài "Website công thông tin tìm kiếm việc làm JobsJungle", chúng tôi đã sử dụng một loạt các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu để hiểu rõ và giải quyết các yêu cầu cụ thể của dự án. Dưới đây là những phương pháp quan trọng mà chúng tôi đã áp dụng:

Nghiên Cứu Tài Liệu:

Tiến hành nghiên cứu tài liệu chi tiết về thị trường tuyển dụng, xu hướng công nghệ, và các dự án tương tự. Điều này giúp chúng tôi hình dung được cơ hội và thách thức trong lĩnh vực này.

Kham Thảo Các Website Tìm Việc Thực Tế:

Thực hiện kham thảo và đánh giá các website tìm kiếm việc làm hàng đầu để định rõ các tiêu chí thiết yếu và tính năng quan trọng mà người tìm việc và doanh nghiệp đánh giá cao.

Phân Tích Yêu Cầu Người Dùng:

Tổ chức cuộc phỏng vấn và khảo sát để hiểu rõ nhu cầu, mong đợi và khó khăn của người tìm việc và doanh nghiệp. Điều này là cơ sở quan trọng để xây dựng các tính năng mà người dùng đánh giá cao.

Thử Nghiệm Người Dùng (User Testing):

Tạo các phiên bản nguyên mẫu của giao diện và tính năng, sau đó thực hiện các phiên thử nghiệm người dùng để thu thập phản hồi và cải thiện trải nghiệm người dùng.

Phân Tích Dữ Liệu và Thống Kê:

Sử dụng phân tích dữ liệu để đánh giá hiệu suất của các tính năng và xác định các vấn đề cần giải quyết.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT

I. GIỚI THIỆU PHP:



PHP: Hypertext Preprocessor, thường được viết tắt thành **PHP** là một ngôn ngữ lập trình kịch bản hay một loại mã lệnh chủ yếu được dùng để phát triển các ứng dụng viết cho máy chủ, mã nguồn mở, dùng cho mục đích tổng quát. Nó rất thích hợp với web và có thể dễ dàng nhúng vào trang HTML. Do được tối ưu hóa cho các ứng dụng web, tốc độ nhanh, nhỏ gọn, cú pháp giống C và Java, dễ học và thời gian xây dựng sản phẩm tương đối ngắn hơn so với các ngôn ngữ khác nên PHP đã nhanh chóng trở thành một ngôn ngữ lập trình web phổ biến nhất thế giới. Ngôn ngữ, các thư viện, tài liệu gốc của PHP được xây dựng bởi cộng đồng và có sự đóng góp rất lớn của Zend Inc., công ty do các nhà phát triển cốt lõi của PHP lập nên nhằm tạo ra một môi trường chuyên nghiệp để đưa PHP phát triển ở quy mô doanh nghiệp.

PHP được phát triển từ một sản phẩm có tên là PHP/FI. PHP/FI do **Rasmus Lerdorf tạo ra năm 1994**, ban đầu được xem như là một tập con đơn giản của các mã kịch bản Perl để theo dõi tình hình truy cập đến bản sơ yếu lý lịch của ông trên mạng. Ông đã đặt tên cho bộ mã kịch bản này là 'Personal Home Page Tools'. Khi cần đến các chức năng rộng hơn, Rasmus đã viết ra một bộ thực thi bằng C lớn hơn để có thể truy vấn tới các cơ sở dữ liệu và giúp cho người sử dụng phát triển các ứng dụng web đơn giản. Rasmus đã quyết định công bố mã nguồn của PHP/FI cho mọi người xem, sử dụng cũng như sửa các lỗi có trong nó đồng thời cải tiến mã nguồn.

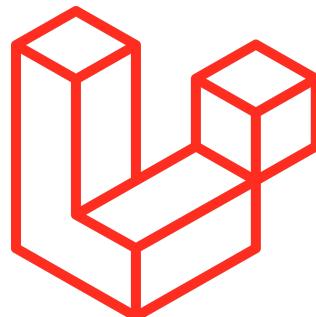
PHP/FI, viết tắt từ "**Personal Home Page/Forms Interpreter**", bao gồm một số các chức năng cơ bản cho PHP như ta đã biết đến chúng ngày nay. Nó có các biến kiểu như Perl, thông dịch tự động các biến của form và cú pháp HTML nhúng. Cú pháp này giống như của Perl, mặc dù hạn chế hơn nhiều, đơn giản và có phần thiếu nhất quán. PHP là ngôn ngữ script được tạo cho các giao tiếp phía server. Do đó, nó có thể xử lý các chức năng phía server như thu thập dữ liệu biểu mẫu, quản lý file trên server, sửa đổi cơ sở dữ liệu và nhiều hơn nữa.

Ngôn ngữ này ban đầu được tạo ra bởi **Rasmus Lerdorf** để theo dõi khách truy cập vào trang chủ cá nhân của anh ấy. Khi đã trở nên phổ biến hơn, Lerdorf phát hành nó thành dự án nguồn mở. Quyết định này đã khuyến khích các nhà phát triển sử dụng, sửa chữa, cải thiện code và cuối cùng biến nó thành ngôn ngữ script mà chúng ta sử dụng ngày nay. Mặc dù PHP được coi là ngôn ngữ script vì mục đích chung, nhưng nó được sử dụng rộng rãi nhất để phát triển web. Điều này do một trong những tính năng nổi bật của nó – khả năng nhúng vào file HTML. Nếu không muốn người khác xem mã nguồn của mình, bạn có thể ẩn bằng ngôn ngữ script này. Đơn giản chỉ cần bạn viết code vào file PHP, nhúng nó vào HTML thì mọi người sẽ không bao giờ biết được nội dung gốc.

Ưu điểm của ngôn ngữ PHP:

- + Dễ học: Bạn có thể học dễ dàng vì nó có tài liệu tuyệt vời về các chức năng cùng các ví dụ.
- + Được sử dụng rộng rãi: Nó được sử dụng để tạo ra các loại nền tảng như thương mại điện tử, blogs, phương tiện truyền thông xã hội, v.v. Thông kê cho thấy 79% tất cả các trang web đều sử dụng PHP.
- + Chi phí thấp: Nó là nguồn mở để bạn có thể sử dụng miễn phí.
- + Cộng đồng lớn: Nếu gặp phải bất kỳ vấn đề nào với nó, bạn không phải lo lắng vì có rất nhiều blog PHP trên internet.
- + Tích hợp với cơ sở dữ liệu như MySQL, Oracle, Sybase,...

II. PHP FRAMEWORK:



Laravel là một **PHP Framework** mã nguồn mở và miễn phí, được phát triển bởi **Taylor Otwell** với phiên bản đầu tiên được ra mắt vào tháng 6 năm 2011 và nhằm mục tiêu hỗ trợ phát triển các ứng dụng web theo cấu trúc model- view- controller (MVC). Laravel được phát hành theo giấy phép MIT, với source code được lưu trữ tại Github. Mặc dù ra đời muộn hơn so với các đối thủ, tuy nhiên Laravel đã thật sự tạo thành một làn sóng lớn, được đánh giá tốt và sử dụng rộng rãi nhất hiện nay.

Các chức năng chính của Laravel:

Modularity: Laravel được xây dựng từ hơn 20 thư viện nối tiếp của PHP hiện nay, và trong bản thân nó cũng được chia module một cách rất rõ ràng và khoa học. Với những dự án lớn, Laravel hỗ trợ chúng ta chia dự án ra làm những module nhỏ giúp dự án được quản lý dễ dàng hơn.

Composer: Ở laravel phiên bản 4.x, Composer được sử dụng như một công cụ quản lý với tính năng như thêm các gói cài đặt, các chức năng PHP phụ trợ cho Laravel có trong kho Packagist.

Testability: Đối với một lập trình viên hiện nay, code sản phẩm chạy được vẫn là chưa đủ, chúng ta phải thực hiện test trên từng dòng code của mình và đảm bảo nó chạy đúng như logic và code của mình code sẽ không ảnh hưởng đến những phần khác. Với sự hỗ trợ mạnh mẽ của Laravel, công việc này sẽ trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết.

Routing: Laravel cung cấp cho chúng ta cách khai báo một route trong dự án cực kì đơn giản và mềm dẻo, với các phương thức như GET, POST, PUT, DELETE..

Configuration Management: Một dự án khi chúng ta phát triển thường nó sẽ được chạy ở nhiều môi trường khác nhau như local, server test, server staging, server production ... Với những môi trường khác nhau thì các thông số config sẽ khác nhau, một ví dụ điển hình nhất là thông số về cơ sở dữ liệu. Laravel cho phép chúng ta làm việc này rất dễ dàng bằng việc tạo ra 1 file .env (Environment) để chúng ta cấu hình các thông số lên trên đó.

QueryBuilder and ORM: Đây là 2 tính năng cực kì quan trọng trong laravel, nó cho phép chúng ta làm việc với cơ sở dữ liệu một cách dễ dàng, cung cấp các câu truy vấn ngắn gọn để lấy dữ liệu. Nó làm việc được với nhiều cơ sở dữ liệu khác nhau như PostgreSQL, SQLite, Mysql hay SQL Server.

Schema builder, migration and seeding: Đây là các tính năng cho phép các bạn định nghĩa cấu trúc cơ sở dữ liệu trong code khi làm việc với Laravel, các bạn có thể tạo table, xoá table, tạo cột, xoá cột,... Mọi thao tác đều được thực hiện trên code và được quản lý rất khoa học. Tính năng Seeding cung cấp cho chúng ta tạo ra các dữ liệu mẫu trong cơ sở dữ liệu.

Template Engine: Laravel sử dụng Blade cho phần view của mình, với Blade chúng ta có thể show dữ liệu và khai báo các câu điều khiển ở trên view dễ dàng.

E-Mailing: Laravel cung cấp cho chúng ta thư viện để có thể gửi email trong dự án, hầu như tính năng này đều có ở tất cả các dự án. Ngoài ra nó cũng hỗ trợ chúng ta làm việc với các mail service như SendGrid, Mailgun hay Mandrill.

Authentication: Đây là một tính năng hầu như bắt buộc phải có ở tất cả các dự án, Laravel đã cung cấp sẵn cho chúng ta toàn bộ các tính năng liên quan đến authentication như login, logout, register, forgot password,... chúng ta chỉ việc sử dụng mà không cần phải làm lại các tính năng này

Redis: Đây là phương thức cache dữ liệu giúp cho website chúng ta chạy nhanh hơn và ít truy vấn vào cơ sở dữ liệu hơn.

Event and command bus: Tính năng cho phép chúng ta bắt các sự kiện xảy ra trong ứng dụng của mình.

Queues: Laravel tương thích với nhiều dịch vụ queues như Amazon SQS, Beanstalkd hay IronMQ.

Automatic pagination: Tính năng tự động phân trang được tích hợp vào Laravel giúp đơn giản hóa các nhiệm vụ thực hiện phân trang so với các phương pháp thông thường.

Ưu điểm:

Sử dụng các tính năng mới nhất của PHP: Sử dụng Laravel giúp các lập trình viên tiếp cận những tính năng mới nhất mà PHP cung cấp, nhất là đối với Namespaces, Interfaces, Overloading, Anonymous functions và Shorter array syntax.

Nguồn tài nguyên vô cùng lớn và sẵn có: Nguồn tài nguyên của Laravel rất thân thiện với các lập trình viên với đa dạng tài liệu khác nhau để tham khảo. Các phiên bản được phát hành đều có nguồn tài liệu phù hợp với ứng dụng của mình.

Tốc độ xử lý nhanh: Laravel hỗ trợ hiệu quả cho việc tạo lập website hay các dự án lớn trong thời gian ngắn. Vì vậy, nó được các công ty công nghệ và lập trình viên sử dụng rộng rãi để phát triển các sản phẩm của họ.

Dễ sử dụng: Laravel được đón nhận và trở nên sử dụng phổ biến vì nó rất dễ sử dụng. Thường chỉ mất vài giờ, bạn có thể bắt đầu thực hiện một dự án nhỏ với vốn kiến thức cơ bản nhất về lập trình với PHP.

Tính bảo mật cao: Laravel cung cấp sẵn cho người dùng các tính năng bảo mật mạnh mẽ để người dùng hoàn toàn tập trung vào việc phát triển sản phẩm của mình: o Sử dụng PDO để chống lại tấn công SQL Injection.

-> Sử dụng một field token ẩn để chống lại tấn công kiểu CSRF. Mặc định đều được Laravel escape các biến được đưa ra view.

Mặc định, do đó có thể tránh được tấn công XSS.

Nhược điểm:

So với các PHP framework khác, Laravel bộc lộ khá ít nhược điểm. Vấn đề lớn nhất có thể kể đến của framework này là thiếu sự liên kết giữa các phiên bản, nếu có cập nhật code, có thể khiến cho ứng dụng bị gián đoạn hoặc phả vỡ. Bên cạnh đó, Lavarel cũng quá nặng cho ứng dụng di động, khiến việc tải trang trở nên chậm chạp.

III. MAMP:



MAMP là một bộ công cụ giúp phát triển ứng dụng web trên môi trường máy tính cá nhân. Tên "**MAMP**" đến từ viết tắt của "**Macintosh, Apache, MySQL, PHP/Python/Perl**". Nó cung cấp một môi trường máy chủ web đầy đủ cho các nhà phát triển để xây dựng và kiểm thử ứng dụng web trước khi triển khai chúng lên môi trường sản xuất.

Các thành phần chính của MAMP:

Apache: Là một máy chủ web mã nguồn mở phổ biến, Apache giúp xử lý các yêu cầu HTTP và đưa nội dung web đến trình duyệt của người dùng.

MySQL: Là hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ mã nguồn mở. Nó được sử dụng để lưu trữ và quản lý dữ liệu của ứng dụng web. MAMP đi kèm với phiên bản MySQL để cung cấp một hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu cho ứng dụng của bạn.

PHP/Python/Perl: Là các ngôn ngữ lập trình được sử dụng để phát triển phía máy chủ của ứng dụng web. Trong trường hợp của MAMP, PHP là ngôn ngữ mặc định, nhưng bạn cũng có thể tích hợp Python hoặc Perl nếu cần thiết.

MAMP Control Panel: Giao diện đồ họa dễ sử dụng giúp bạn quản lý và kiểm soát các thành phần của MAMP. Bạn có thể khởi động hoặc tắt máy chủ, xem các log, kiểm tra trạng thái của các dịch vụ, và thực hiện nhiều tác vụ quản lý khác.

Virtual Hosts: MAMP cho phép bạn cấu hình ảo máy chủ (virtual hosts) để phát triển và kiểm thử nhiều dự án web cùng một lúc. Điều này giúp bạn duy trì sự tách biệt giữa các dự án và giả lập môi trường mà ứng dụng của bạn sẽ chạy trên môi trường sản xuất.

Xdebug: MAMP hỗ trợ Xdebug, một công cụ debugging mạnh mẽ cho PHP. Điều này giúp nhà phát triển tìm và sửa lỗi một cách hiệu quả trong mã nguồn PHP của họ.

PhpMyAdmin: Là một giao diện người dùng đồ họa cho MySQL, giúp bạn quản lý cơ sở dữ liệu một cách thuận tiện thông qua trình duyệt web.

MAMP giúp tối ưu hóa quá trình phát triển và kiểm thử ứng dụng web, cung cấp một môi trường phát triển đầy đủ và linh hoạt. Nó cũng có thể giúp tiết kiệm thời gian và công sức của nhà phát triển bằng cách cung cấp các công cụ quản lý và giải quyết các vấn đề phức tạp trong quá trình phát triển ứng dụng web.

IV. MYSQL:



MySQL là một hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ (**RDBMS**) mã nguồn mở phổ biến được sử dụng rộng rãi trong phát triển ứng dụng web. Dưới đây là một giới thiệu chi tiết về MySQL:

Quản lý Cơ Sở Dữ Liệu:

- **Tính Nhất Quán (Consistency):** MySQL đảm bảo tính nhất quán của dữ liệu thông qua các ràng buộc khóa ngoại, quy tắc và truy vấn.
- **Tính Duy Nhất (Uniqueness):** Các ràng buộc duy nhất giúp đảm bảo mỗi bản ghi có một giá trị duy nhất trong cột nào đó.

Ngôn Ngữ Truy Vấn SQL:

- MySQL sử dụng ngôn ngữ truy vấn SQL (Structured Query Language) cho việc tương tác với cơ sở dữ liệu. SQL giúp thực hiện các truy vấn phức tạp như lấy, chèn, cập nhật và xóa dữ liệu.

Hiệu Suất:

- MySQL được tối ưu hóa cho hiệu suất cao. Nó hỗ trợ indexing, partitioning, và caching để cải thiện tốc độ truy xuất dữ liệu.
- Cơ sở dữ liệu InnoDB, một trong những bảng lưu trữ mặc định của MySQL, cung cấp tính năng giao nhau (ACID) để đảm bảo tính toàn vẹn và an toàn của giao dịch.

Bảo Mật:

- MySQL cung cấp các tính năng bảo mật như xác thực, phân quyền và mã hóa dữ liệu để đảm bảo an toàn của hệ thống và thông tin người dùng.
- Các quy tắc bảo mật như SSL và TDE (Transparent Data Encryption) cũng có sẵn để bảo vệ dữ liệu truyền qua mạng và lưu trữ.

Dự Án Mở Rộng:

- MySQL hỗ trợ nhiều định dạng lưu trữ và đa nhiệm, cho phép mở rộng dự án dễ dàng khi cần thiết.
- Các tính năng như replication và sharding hỗ trợ trong việc xây dựng hệ thống có khả năng chịu tải và mở rộng tốt.

Cộng Đồng Lớn và Hỗ Trợ:

- Cộng đồng người dùng MySQL rộng lớn, điều này đồng nghĩa với việc có nhiều tài liệu, diễn đàn và nguồn tư vấn trực tuyến.
- MySQL có phiên bản cộng đồng và phiên bản doanh nghiệp (Enterprise) với sự hỗ trợ chính thức từ Oracle.

Tương Thích Đa Nền Tảng:

- MySQL hỗ trợ nhiều hệ điều hành như Linux, Windows, macOS, giúp dễ dàng triển khai trên nhiều môi trường.

Công Cụ Quản Lý:

- MySQL được hỗ trợ bởi nhiều công cụ quản lý cơ sở dữ liệu như MySQL Workbench, phpMyAdmin, giúp quản trị cơ sở dữ liệu một cách thuận tiện.

Vì vậy, MySQL là một hệ quản trị cơ sở dữ liệu mạnh mẽ và đa nhiệm, cung cấp các tính năng an toàn, linh hoạt và hiệu suất cao. Sự phổ biến và sự hỗ trợ mạnh mẽ từ cộng đồng làm cho MySQL trở thành một lựa chọn phổ biến trong việc phát triển ứng dụng web và các dự án có nhu cầu quản lý dữ liệu hiệu quả.

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH & THIẾT KẾ HỆ THỐNG

I. PHÂN TÍCH HỆ THỐNG:

- Trong thời đại công nghệ 4.0 ngày nay, việc sử dụng công nghệ không chỉ là một xu hướng mà còn trở thành một phần quan trọng của cuộc sống hàng ngày. Mặc dù có nhiều tiện ích và cơ hội mà công nghệ mang lại, nhưng không phải ai cũng có khả năng tiếp cận nó một cách thuận lợi. Trong lĩnh vực tìm kiếm việc làm, công nghệ đã định hình lại cách chúng ta tìm kiếm cơ hội nghề nghiệp.
- Để giải quyết thách thức này, tôi đã quyết định phát triển website "JobsJungle" - một nền tảng hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm hiệu quả. Với các chức năng đa dạng, JobsJungle hứa hẹn đem lại trải nghiệm tìm kiếm công việc thoải mái và tiện lợi cho cả người tìm việc và nhà tuyển dụng.

Yêu cầu đặt ra:

1. Ứng viên có thể tìm kiếm công việc phù hợp và nhanh chóng
2. Ứng viên có thể thêm việc yêu thích vào mục yêu thích của mình
3. Quản lý có thể quản lý nhà tuyển dụng
4. Quản lý có thể quản lý ứng viên
5. Quản lý có thể quản lý đăng tuyển

II. CHỨC NĂNG HỆ THỐNG:

1. Chức năng của Admin:

- Admin có thể thay đổi logo, favicon.
- Admin có thể thay đổi thông tin top bar và footer.
- Admin có thể kiểm soát thông tin trang chủ.
- Admin có thể tạo, sửa và xóa các danh mục blog.
- Admin có thể tạo, sửa và xóa bài đăng blog.
- Admin có thể tạo, sửa và xóa các danh mục công việc.
- Admin có thể tạo, sửa và xóa vị trí công việc.
- Admin có thể tạo, sửa và xóa kinh nghiệm công việc.
- Admin có thể tạo, sửa và xóa loại công việc.
- Admin có thể tạo, sửa và xóa ngành công ty.
- Admin có thể tạo, sửa và xóa số lượng thành viên công ty.
- Admin có thể tạo, sửa và xóa địa điểm công ty.
- Admin có thể tạo, sửa và xóa tài sao chép chúng tôi.

- Admin có thể tạo, sửa và xóa đánh giá.
- Admin có thể gửi email cho người đăng ký.
- Admin có thể xem tất cả các hồ sơ công ty và có thể xóa chúng.
- Admin có thể xem tất cả các hồ sơ ứng viên và có thể xóa chúng.
- Admin có thể thay đổi ảnh, thông tin và mật khẩu của mình.
- Admin có thể quản lý quảng cáo trong các trang danh sách công việc và danh sách công ty.

2. *Chức năng của Nhà tuyển dụng:*

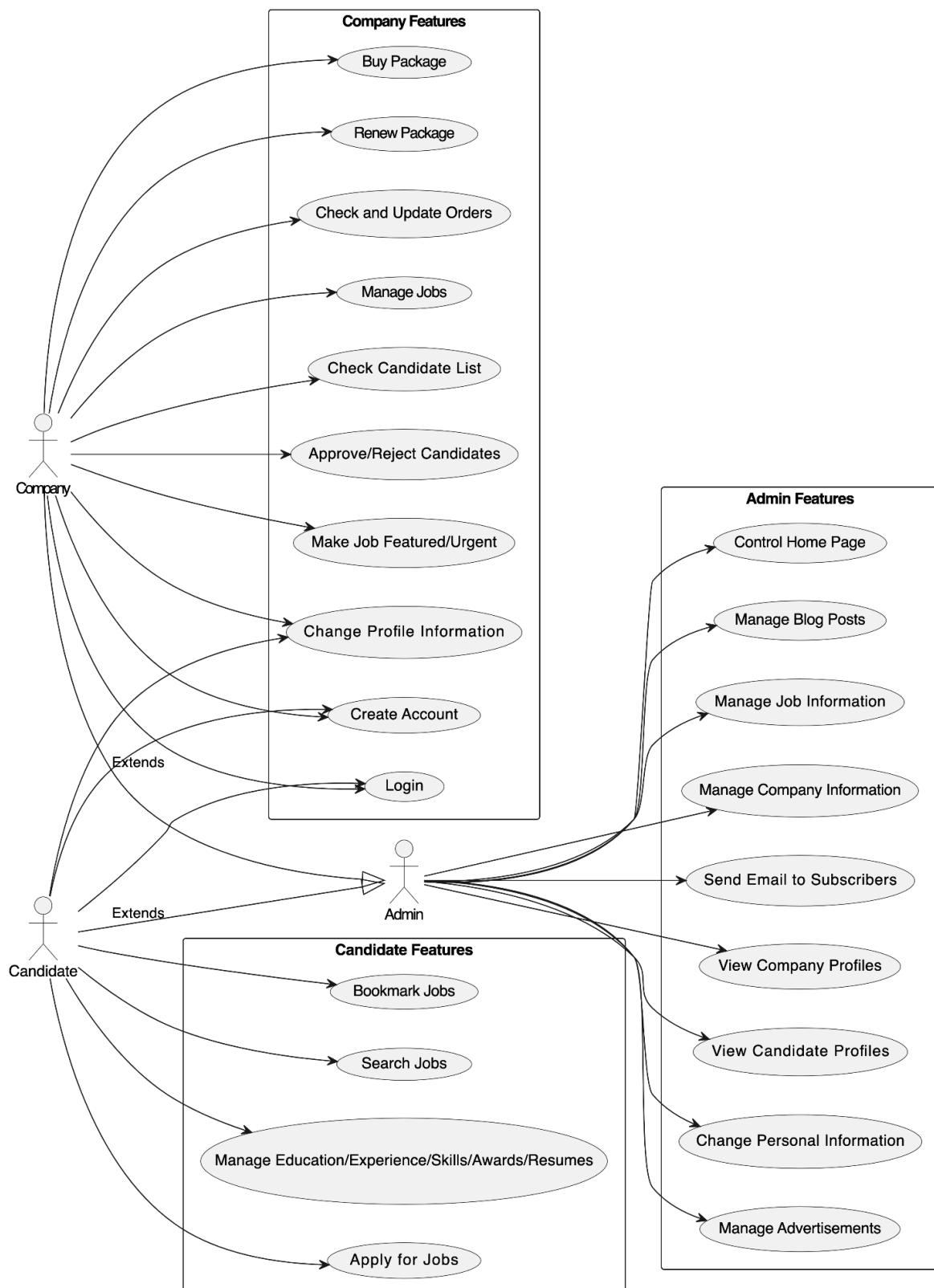
- Nhà tuyển dụng có thể tạo tài khoản miễn phí.
- Nhà tuyển dụng có thể đăng nhập và tùy chọn quên mật khẩu.
- Nhà tuyển dụng có thể thay đổi thông tin hồ sơ.
- Nhà tuyển dụng có thể mua gói sử dụng PayPal.
- Nhà tuyển dụng có thể gia hạn gói bất cứ lúc nào.
- Nhà tuyển dụng có thể kiểm tra đơn hàng.
- Nhà tuyển dụng có thể cập nhật đơn hàng.
- Nhà tuyển dụng có thể tạo, sửa và xóa công việc.
- Nhà tuyển dụng có thể kiểm tra danh sách ứng viên.
- Nhà tuyển dụng có thể phê duyệt hoặc từ chối ứng viên.
- Nhà tuyển dụng có thể làm cho công việc nổi bật.
- Nhà tuyển dụng có thể làm cho công việc khẩn cấp.

3. *Chức năng của Úng viên:*

- Úng viên có thể tạo tài khoản miễn phí.
- Úng viên có thể đăng nhập và tùy chọn quên mật khẩu.
- Úng viên có thể thay đổi thông tin hồ sơ.
- Úng viên có thể tạo, sửa và xóa học vấn.
- Úng viên có thể tạo, sửa và xóa kinh nghiệm làm việc.
- Úng viên có thể tạo, sửa và xóa kỹ năng.
- Úng viên có thể tạo, sửa và xóa giải thưởng.
- Úng viên có thể tạo, sửa và xóa sơ yếu lý lịch.
- Úng viên có thể nộp đơn ứng tuyển vào công việc.
- Úng viên có thể đánh dấu công việc nào đó.
- Úng viên có thể tìm kiếm công việc theo danh mục, địa điểm, tiêu đề, loại...

III. CƠ SỞ DỮ LIỆU:

1. Sơ đồ Use Case:



Hình 1.1: Mô hình Use Case tổng quát

2. Đặc tả Use Case:

2.1. Use Case Admin:

Use Case ID	UC01
Use Case Name	Quản lý Thông Tin Trang Chủ
Description	Admin có thể kiểm soát và cập nhật thông tin trang chủ của trang web.
Actor	Admin
Priority	High
Trigger	Admin đăng nhập vào bảng điều khiển.
Pre-Condition(s)	1. Admin đã đăng nhập vào hệ thống. 2. Admin có quyền truy cập và quản lý thông tin trang chủ.
Post-Condition(s)	Thông tin trang chủ được cập nhật theo mong muốn của Admin.
Basic Flow	1. Admin truy cập phần quản lý thông tin trang chủ trong bảng điều khiển. 2. Hệ thống hiển thị giao diện cho phép Admin chỉnh sửa nội dung và hình ảnh trang chủ. 3. Admin thực hiện chỉnh sửa nội dung và hình ảnh theo ý muốn. 4. Admin lưu các thay đổi.
Alternative Flow	<i>Bước 3:</i> Nếu Admin muốn khôi phục lại thông tin trang chủ về trạng thái trước đó, Admin có thể chọn tùy chọn khôi phục.
Exception Flow	<i>Bước 4:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công (ví dụ: lỗi hệ thống), hệ thống thông báo cho Admin biết và yêu cầu thử lại.
Business Rules	Admin chỉ có thể cập nhật thông tin trang chủ nếu đăng nhập và có quyền truy cập.
Non-Functional Requirement	Giao diện cập nhật thông tin trang chủ phải dễ sử dụng và thân thiện với người dùng.

Use Case ID	UC02
Use Case Name	Quản lý Danh Mục Blog
Description	Admin có thể tạo, sửa và xóa các danh mục blog.
Actor	Admin
Priority	High
Trigger	Admin đăng nhập vào bảng điều khiển.
Pre-Condition(s)	1. Admin đã đăng nhập vào hệ thống.

	2. Admin có quyền truy cập và quản lý danh mục blog.
Post-Condition(s)	Danh mục blog được tạo mới, chỉnh sửa, hoặc xóa theo quyết định của Admin.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> Admin truy cập phần quản lý danh mục blog trong bảng điều khiển. Hệ thống hiển thị danh sách các danh mục hiện có và tùy chọn tạo mới. Admin chọn tạo mới hoặc chọn một danh mục cần sửa/xóa. Nếu Admin chọn tạo mới, nhập thông tin cho danh mục mới và lưu. Nếu Admin chọn sửa đổi, thực hiện chỉnh sửa thông tin và lưu. Nếu Admin chọn xóa, hệ thống yêu cầu xác nhận trước khi thực hiện xóa.
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu Admin muốn hủy bỏ thao tác tạo mới hoặc sửa đổi, quay trở lại màn hình danh sách.
Exception Flow	- <i>Bước 4, 5, 6:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công hoặc xác nhận xóa bị từ chối (ví dụ: danh mục không tồn tại), hệ thống thông báo cho Admin biết và yêu cầu thử lại.
Business Rules	Admin chỉ có thể thực hiện các thao tác trên nếu đăng nhập và có quyền truy cập quản lý danh mục blog.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý danh mục blog phải cung cấp trải nghiệm người dùng tốt và tiện lợi.

Use Case ID	UC03
Use Case Name	Quản lý Bài Đăng Blog
Description	Admin có thể tạo, sửa và xóa bài đăng blog.
Actor	Admin
Priority	High
Trigger	Admin đăng nhập vào bảng điều khiển.
Pre-Condition(s)	<ol style="list-style-type: none"> Admin đã đăng nhập vào hệ thống. Admin có quyền truy cập và quản lý bài đăng blog.
Post-Condition(s)	Bài đăng blog được tạo mới, chỉnh sửa, hoặc xóa theo quyết định của Admin.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> Admin truy cập phần quản lý bài đăng blog trong bảng điều khiển. Hệ thống hiển thị danh sách các bài đăng hiện có và tùy chọn tạo mới. Admin chọn tạo mới hoặc chọn một bài đăng cần sửa/xóa. Nếu Admin chọn tạo mới, nhập thông tin cho bài đăng mới và lưu. Nếu Admin chọn sửa đổi, thực hiện chỉnh sửa thông tin và lưu. Nếu Admin chọn xóa, hệ thống yêu cầu xác nhận trước khi thực hiện xóa.
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu Admin muốn hủy bỏ thao tác tạo mới hoặc sửa đổi, quay trở lại màn hình danh sách.
Exception Flow	- <i>Bước 4, 5, 6:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công hoặc xác nhận xóa bị từ chối (ví dụ: bài đăng không tồn tại), hệ thống thông báo cho Admin biết và yêu cầu thử lại.

	chối (ví dụ: bài đăng không tồn tại), hệ thống thông báo cho Admin biết và yêu cầu thử lại.
Business Rules	Admin chỉ có thể thực hiện các thao tác trên nếu đăng nhập và có quyền truy cập quản lý bài đăng blog.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý bài đăng blog phải cung cấp trải nghiệm người dùng tốt và tiện lợi.

Use Case ID	UC04
Use Case Name	Quản lý Danh Mục Công Việc
Description	Admin có thể tạo, sửa và xóa các danh mục công việc.
Actor	Admin
Priority	High
Trigger	Admin đăng nhập vào bảng điều khiển.
Pre-Condition(s)	1. Admin đã đăng nhập vào hệ thống. 2. Admin có quyền truy cập và quản lý danh mục công việc.
Post-Condition(s)	Danh mục công việc được tạo mới, chỉnh sửa, hoặc xóa theo quyết định của Admin.
Basic Flow	1. Admin truy cập phần quản lý danh mục công việc trong bảng điều khiển. 2. Hệ thống hiển thị danh sách các danh mục công việc hiện có và tùy chọn tạo mới. 3. Admin chọn tạo mới hoặc chọn một danh mục cần sửa/xóa. 4. Nếu Admin chọn tạo mới, nhập thông tin cho danh mục mới và lưu. 5. Nếu Admin chọn sửa đổi, thực hiện chỉnh sửa thông tin và lưu. 6. Nếu Admin chọn xóa, hệ thống yêu cầu xác nhận trước khi thực hiện xóa.
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu Admin muốn hủy bỏ thao tác tạo mới hoặc sửa đổi, quay trở lại màn hình danh sách.
Exception Flow	- <i>Bước 4, 5, 6:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công hoặc xác nhận xóa bị từ chối (ví dụ: danh mục không tồn tại), hệ thống thông báo cho Admin biết và yêu cầu thử lại.
Business Rules	Admin chỉ có thể thực hiện các thao tác trên nếu đăng nhập và có quyền truy cập quản lý danh mục công việc.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý danh mục công việc phải cung cấp trải nghiệm người dùng tốt và tiện lợi.

Use Case ID	UC05
Use Case Name	Quản lý Vị Trí Công Việc
Description	Admin có thể tạo, sửa và xóa các vị trí công việc.
Actor	Admin
Priority	High
Trigger	Admin đăng nhập vào bảng điều khiển.
Pre-Condition(s)	1. Admin đã đăng nhập vào hệ thống. 2. Admin có quyền truy cập và quản lý vị trí công việc.
Post-Condition(s)	Vị trí công việc được tạo mới, chỉnh sửa, hoặc xóa theo quyết định của Admin.
Basic Flow	1. Admin truy cập phần quản lý vị trí công việc trong bảng điều khiển. 2. Hệ thống hiển thị danh sách các vị trí công việc hiện có và tùy chọn tạo mới. 3. Admin chọn tạo mới hoặc chọn một vị trí cần sửa/xóa. 4. Nếu Admin chọn tạo mới, nhập thông tin cho vị trí mới và lưu. 5. Nếu Admin chọn sửa đổi, thực hiện chỉnh sửa thông tin và lưu. 6. Nếu Admin chọn xóa, hệ thống yêu cầu xác nhận trước khi thực hiện xóa.
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu Admin muốn hủy bỏ thao tác tạo mới hoặc sửa đổi, quay trở lại màn hình danh sách.
Exception Flow	- <i>Bước 4, 5, 6:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công hoặc xác nhận xóa bị từ chối (ví dụ: vị trí không tồn tại), hệ thống thông báo cho Admin biết và yêu cầu thử lại.
Business Rules	Admin chỉ có thể thực hiện các thao tác trên nếu đăng nhập và có quyền truy cập quản lý vị trí công việc.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý vị trí công việc phải cung cấp trải nghiệm người dùng tốt và tiện lợi.

Use Case ID	UC06
Use Case Name	Quản lý Kinh Nghiệm Công Việc
Description	Admin có thể tạo, sửa và xóa các kinh nghiệm công việc.
Actor	Admin
Priority	High
Trigger	Admin đăng nhập vào bảng điều khiển.
Pre-Condition(s)	1. Admin đã đăng nhập vào hệ thống. 2. Admin có quyền truy cập và quản lý kinh nghiệm công việc.

Post-Condition(s)	Kinh nghiệm công việc được tạo mới, chỉnh sửa, hoặc xóa theo quyết định của Admin.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin truy cập phần quản lý kinh nghiệm công việc trong bảng điều khiển. 2. Hệ thống hiển thị danh sách các kinh nghiệm công việc hiện có và tùy chọn tạo mới. 3. Admin chọn tạo mới hoặc chọn một kinh nghiệm cần sửa/xóa. 4. Nếu Admin chọn tạo mới, nhập thông tin cho kinh nghiệm mới và lưu. 5. Nếu Admin chọn sửa đổi, thực hiện chỉnh sửa thông tin và lưu. 6. Nếu Admin chọn xóa, hệ thống yêu cầu xác nhận trước khi thực hiện xóa.
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu Admin muốn hủy bỏ thao tác tạo mới hoặc sửa đổi, quay trở lại màn hình danh sách.
Exception Flow	- <i>Bước 4, 5, 6:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công hoặc xác nhận xóa bị từ chối (ví dụ: kinh nghiệm không tồn tại), hệ thống thông báo cho Admin biết và yêu cầu thử lại.
Business Rules	Admin chỉ có thể thực hiện các thao tác trên nếu đăng nhập và có quyền truy cập quản lý kinh nghiệm công việc.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý kinh nghiệm công việc phải cung cấp trải nghiệm người dùng tốt và tiện lợi.

Use Case ID	UC07
Use Case Name	Quản lý Loại Công Việc
Description	Admin có thể tạo, sửa và xóa các loại công việc.
Actor	Admin
Priority	High
Trigger	Admin đăng nhập vào bảng điều khiển.
Pre-Condition(s)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin đã đăng nhập vào hệ thống. 2. Admin có quyền truy cập và quản lý loại công việc.
Post-Condition(s)	Loại công việc được tạo mới, chỉnh sửa, hoặc xóa theo quyết định của Admin.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin truy cập phần quản lý loại công việc trong bảng điều khiển. 2. Hệ thống hiển thị danh sách các loại công việc hiện có và tùy chọn tạo mới. 3. Admin chọn tạo mới hoặc chọn một loại công việc cần sửa/xóa. 4. Nếu Admin chọn tạo mới, nhập thông tin cho loại công việc mới và lưu. 5. Nếu Admin chọn sửa đổi, thực hiện chỉnh sửa thông tin và lưu. 6. Nếu Admin chọn xóa, hệ thống yêu cầu xác nhận trước khi thực hiện xóa.

Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu Admin muốn hủy bỏ thao tác tạo mới hoặc sửa đổi, quay trở lại màn hình danh sách.
Exception Flow	- <i>Bước 4, 5, 6:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công hoặc xác nhận xóa bị từ chối (ví dụ: loại công việc không tồn tại), hệ thống thông báo cho Admin biết và yêu cầu thử lại.
Business Rules	Admin chỉ có thể thực hiện các thao tác trên nếu đăng nhập và có quyền truy cập quản lý loại công việc.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý loại công việc phải cung cấp trải nghiệm người dùng tốt và tiện lợi.

Use Case ID	UC08
Use Case Name	Quản lý Ngành Công Ty
Description	Admin có thể tạo, sửa và xóa các ngành công ty.
Actor	Admin
Priority	High
Trigger	Admin đăng nhập vào bảng điều khiển.
Pre-Condition(s)	1. Admin đã đăng nhập vào hệ thống. 2. Admin có quyền truy cập và quản lý ngành công ty.
Post-Condition(s)	Ngành công ty được tạo mới, chỉnh sửa, hoặc xóa theo quyết định của Admin.
Basic Flow	1. Admin truy cập phần quản lý ngành công ty trong bảng điều khiển. 2. Hệ thống hiển thị danh sách các ngành công ty hiện có và tùy chọn tạo mới. 3. Admin chọn tạo mới hoặc chọn một ngành cần sửa/xóa. 4. Nếu Admin chọn tạo mới, nhập thông tin cho ngành mới và lưu. 5. Nếu Admin chọn sửa đổi, thực hiện chỉnh sửa thông tin và lưu. 6. Nếu Admin chọn xóa, hệ thống yêu cầu xác nhận trước khi thực hiện xóa.
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu Admin muốn hủy bỏ thao tác tạo mới hoặc sửa đổi, quay trở lại màn hình danh sách.
Exception Flow	- <i>Bước 4, 5, 6:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công hoặc xác nhận xóa bị từ chối (ví dụ: ngành công ty không tồn tại), hệ thống thông báo cho Admin biết và yêu cầu thử lại.
Business Rules	Admin chỉ có thể thực hiện các thao tác trên nếu đăng nhập và có quyền truy cập quản lý ngành công ty.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý ngành công ty phải cung cấp trải nghiệm người dùng tốt và tiện lợi.

Use Case ID	UC09
Use Case Name	Quản lý Số Lượng Thành Viên Công Ty
Description	Admin có thể tạo, sửa và xóa số lượng thành viên công ty.
Actor	Admin
Priority	High
Trigger	Admin đăng nhập vào bảng điều khiển.
Pre-Condition(s)	1. Admin đã đăng nhập vào hệ thống. 2. Admin có quyền truy cập và quản lý số lượng thành viên công ty.
Post-Condition(s)	Số lượng thành viên công ty được tạo mới, chỉnh sửa, hoặc xóa theo quyết định của Admin.
Basic Flow	1. Admin truy cập phần quản lý số lượng thành viên công ty trong bảng điều khiển. 2. Hệ thống hiển thị danh sách số lượng thành viên công ty hiện có và tùy chọn tạo mới. 3. Admin chọn tạo mới hoặc chọn một số lượng cần sửa/xóa. 4. Nếu Admin chọn tạo mới, nhập thông tin cho số lượng mới và lưu. 5. Nếu Admin chọn sửa đổi, thực hiện chỉnh sửa thông tin và lưu. 6. Nếu Admin chọn xóa, hệ thống yêu cầu xác nhận trước khi thực hiện xóa.
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu Admin muốn hủy bỏ thao tác tạo mới hoặc sửa đổi, quay trở lại màn hình danh sách.
Exception Flow	- <i>Bước 4, 5, 6:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công hoặc xác nhận xóa bị từ chối (ví dụ: số lượng không tồn tại), hệ thống thông báo cho Admin biết và yêu cầu thử lại.
Business Rules	Admin chỉ có thể thực hiện các thao tác trên nếu đăng nhập và có quyền truy cập quản lý số lượng thành viên công ty.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý số lượng thành viên công ty phải cung cấp trải nghiệm người dùng tốt và tiện lợi.

Use Case ID	UC10
Use Case Name	Quản lý Địa Điểm Công Ty
Description	Admin có thể tạo, sửa và xóa địa điểm công ty.
Actor	Admin
Priority	High
Trigger	Admin đăng nhập vào bảng điều khiển.
Pre-Condition(s)	1. Admin đã đăng nhập vào hệ thống.

	2. Admin có quyền truy cập và quản lý địa điểm công ty.
Post-Condition(s)	Địa điểm công ty được tạo mới, chỉnh sửa, hoặc xóa theo quyết định của Admin.
Basic Flow	<p>1. Admin truy cập phần quản lý địa điểm công ty trong bảng điều khiển.</p> <p>2. Hệ thống hiển thị danh sách địa điểm công ty hiện có và tùy chọn tạo mới.</p> <p>3. Admin chọn tạo mới hoặc chọn một địa điểm cần sửa/xóa.</p> <p>4. Nếu Admin chọn tạo mới, nhập thông tin cho địa điểm mới và lưu.</p> <p>5. Nếu Admin chọn sửa đổi, thực hiện chỉnh sửa thông tin và lưu.</p> <p>6. Nếu Admin chọn xóa, hệ thống yêu cầu xác nhận trước khi thực hiện xóa.</p>
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu Admin muốn hủy bỏ thao tác tạo mới hoặc sửa đổi, quay trở lại màn hình danh sách.
Exception Flow	- <i>Bước 4, 5, 6:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công hoặc xác nhận xóa bị từ chối (ví dụ: địa điểm không tồn tại), hệ thống thông báo cho Admin biết và yêu cầu thử lại.
Business Rules	Admin chỉ có thể thực hiện các thao tác trên nếu đăng nhập và có quyền truy cập quản lý địa điểm công ty.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý địa điểm công ty phải cung cấp trải nghiệm người dùng tốt và tiện lợi.

Use Case ID	UC11
Use Case Name	Gửi Email cho Người Đăng Ký
Description	Admin có thể gửi email thông tin cho người đăng ký.
Actor	Admin
Priority	Medium
Trigger	Admin đăng nhập vào bảng điều khiển và chọn tùy chọn gửi email cho người đăng ký.
Pre-Condition(s)	<p>1. Admin đã đăng nhập vào hệ thống.</p> <p>2. Có ít nhất một người đăng ký trong hệ thống.</p>
Post-Condition(s)	Email thông tin được gửi thành công cho người đăng ký.
Basic Flow	<p>1. Admin truy cập phần quản lý người đăng ký trong bảng điều khiển.</p> <p>2. Hệ thống hiển thị danh sách người đăng ký hiện có.</p> <p>3. Admin chọn người đăng ký cần gửi email.</p> <p>4. Admin chọn tùy chọn gửi email và nhập nội dung email.</p> <p>5. Admin xác nhận và gửi email.</p>
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu không có người đăng ký nào hoặc Admin muốn hủy bỏ thao tác, quay trở lại màn hình danh sách.

Exception Flow	- <i>Bước 5:</i> Nếu gửi email không thành công (ví dụ: địa chỉ email không hợp lệ), hệ thống thông báo cho Admin biết và yêu cầu thử lại.
Business Rules	Admin chỉ có thể thực hiện thao tác trên nếu đăng nhập và có quyền truy cập quản lý người đăng ký.
Non-Functional Requirement	Hệ thống phải hỗ trợ gửi email và đảm bảo tính bảo mật khi truyền thông tin.

Use Case ID	UC12
Use Case Name	Xem và Xóa Hồ Sơ Công Ty
Description	Admin có thể xem tất cả các hồ sơ công ty và có khả năng xóa chúng.
Actor	Admin
Priority	High
Trigger	Admin đăng nhập vào bảng điều khiển và chọn tùy chọn xem hồ sơ công ty.
Pre-Condition(s)	1. Admin đã đăng nhập vào hệ thống. 2. Có ít nhất một hồ sơ công ty trong hệ thống.
Post-Condition(s)	Hồ sơ công ty được xem và có thể bị xóa theo quyết định của Admin.
Basic Flow	1. Admin truy cập phần quản lý hồ sơ công ty trong bảng điều khiển. 2. Hệ thống hiển thị danh sách tất cả các hồ sơ công ty hiện có. 3. Admin chọn một hồ sơ cần xem. 4. Admin có tùy chọn xóa hồ sơ và xác nhận hành động xóa.
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu không có hồ sơ công ty nào hoặc Admin muốn hủy bỏ thao tác, quay trở lại màn hình danh sách.
Exception Flow	- <i>Bước 4:</i> Nếu xóa hồ sơ không thành công (ví dụ: hồ sơ không tồn tại), hệ thống thông báo cho Admin biết và yêu cầu thử lại.
Business Rules	Admin chỉ có thể thực hiện thao tác trên nếu đăng nhập và có quyền truy cập quản lý hồ sơ công ty.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý hồ sơ công ty phải cung cấp trải nghiệm người dùng tốt và tiện lợi.

Use Case ID	UC13
Use Case Name	Xem và Xóa Hồ Sơ Úng Viên
Description	Admin có thể xem tất cả các hồ sơ ứng viên và có khả năng xóa chúng.
Actor	Admin

Priority	High
Trigger	Admin đăng nhập vào bảng điều khiển và chọn tùy chọn xem hồ sơ ứng viên.
Pre-Condition(s)	1. Admin đã đăng nhập vào hệ thống. 2. Có ít nhất một hồ sơ ứng viên trong hệ thống.
Post-Condition(s)	Hồ sơ ứng viên được xem và có thể bị xóa theo quyết định của Admin.
Basic Flow	1. Admin truy cập phần quản lý hồ sơ ứng viên trong bảng điều khiển. 2. Hệ thống hiển thị danh sách tất cả các hồ sơ ứng viên hiện có. 3. Admin chọn một hồ sơ cần xem. 4. Admin có tùy chọn xóa hồ sơ và xác nhận hành động xóa.
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu không có hồ sơ ứng viên nào hoặc Admin muốn hủy bỏ thao tác, quay trở lại màn hình danh sách.
Exception Flow	- <i>Bước 4:</i> Nếu xóa hồ sơ không thành công (ví dụ: hồ sơ không tồn tại), hệ thống thông báo cho Admin biết và yêu cầu thử lại.
Business Rules	Admin chỉ có thể thực hiện thao tác trên nếu đăng nhập và có quyền truy cập quản lý hồ sơ ứng viên.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý hồ sơ ứng viên phải cung cấp trải nghiệm người dùng tốt và tiện lợi.

Use Case ID	UC14
Use Case Name	Quản lý Thông Tin Admin
Description	Admin có thể thay đổi ảnh đại diện, thông tin cá nhân, và mật khẩu của mình.
Actor	Admin
Priority	Medium
Trigger	Admin đăng nhập vào bảng điều khiển và chọn tùy chọn quản lý thông tin cá nhân.
Pre-Condition(s)	1. Admin đã đăng nhập vào hệ thống.
Post-Condition(s)	Thông tin cá nhân của Admin được cập nhật theo quyết định của Admin.
Basic Flow	1. Admin truy cập phần quản lý thông tin cá nhân trong bảng điều khiển. 2. Hệ thống hiển thị thông tin cá nhân hiện tại của Admin và tùy chọn thay đổi ảnh đại diện, thông tin và mật khẩu. 3. Admin chọn tùy chọn cần thay đổi (ảnh đại diện, thông tin, hoặc mật khẩu). 4. Admin thực hiện thay đổi và lưu lại.
Alternative Flow	- <i>Bước 2:</i> Nếu Admin muốn hủy bỏ thao tác thay đổi, quay trở lại màn hình trước đó.

Exception Flow	- <i>Bước 4:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công (ví dụ: mật khẩu không hợp lệ), hệ thống thông báo cho Admin biết và yêu cầu thử lại.
Business Rules	Admin chỉ có thể thay đổi thông tin cá nhân của mình khi đăng nhập.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý thông tin cá nhân phải cung cấp trải nghiệm người dùng tốt và tiện lợi.

Use Case ID	UC15
Use Case Name	Quản lý Quảng Cáo
Description	Admin có thể quản lý quảng cáo trên các trang danh sách công việc và danh sách công ty.
Actor	Admin
Priority	High
Trigger	Admin đăng nhập vào bảng điều khiển và chọn tùy chọn quản lý quảng cáo.
Pre-Condition(s)	1. Admin đã đăng nhập vào hệ thống. 2. Có ít nhất một quảng cáo trong hệ thống.
Post-Condition(s)	Quảng cáo được quản lý và có thể bị xóa theo quyết định của Admin.
Basic Flow	1. Admin truy cập phần quản lý quảng cáo trong bảng điều khiển. 2. Hệ thống hiển thị danh sách tất cả các quảng cáo hiện có trên các trang danh sách công việc và danh sách công ty. 3. Admin chọn một quảng cáo cần xem/chỉnh sửa/xóa. 4. Admin có tùy chọn chỉnh sửa thông tin quảng cáo hoặc xóa quảng cáo. 5. Nếu Admin chọn xóa, hệ thống yêu cầu xác nhận trước khi thực hiện xóa.
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu không có quảng cáo nào hoặc Admin muốn hủy bỏ thao tác, quay trở lại màn hình danh sách.
Exception Flow	- <i>Bước 4, 5:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công hoặc xác nhận xóa bị từ chối (ví dụ: quảng cáo không tồn tại), hệ thống thông báo cho Admin biết và yêu cầu thử lại.
Business Rules	Admin chỉ có thể thực hiện thao tác trên nếu đăng nhập và có quyền truy cập quản lý quảng cáo.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý quảng cáo phải cung cấp trải nghiệm người dùng tốt và tiện lợi.

2.2. Use Case Nhà Tuyển Dụng:

Use Case ID	UC01
Use Case Name	Tạo Tài Khoản Miễn Phí cho Nhà Tuyển Dụng
Description	Nhà tuyển dụng có thể tạo tài khoản miễn phí trên hệ thống.
Actor	Nhà Tuyển Dụng
Priority	High
Trigger	Nhà tuyển dụng truy cập trang đăng ký trên hệ thống.
Pre-Condition(s)	Không có tài khoản nào của nhà tuyển dụng trên hệ thống.
Post-Condition(s)	Tài khoản miễn phí cho nhà tuyển dụng được tạo thành công.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> Nhà tuyển dụng truy cập trang đăng ký trên hệ thống. Hệ thống yêu cầu nhà tuyển dụng nhập thông tin cần thiết cho tài khoản (tên công ty, địa chỉ email, mật khẩu, v.v.). Nhà tuyển dụng nhập thông tin và xác nhận đăng ký. Hệ thống kiểm tra thông tin hợp lệ và tạo tài khoản miễn phí cho nhà tuyển dụng.
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu nhà tuyển dụng muốn hủy bỏ quá trình đăng ký, quay trở lại trang chủ.
Exception Flow	- <i>Bước 4:</i> Nếu thông tin đăng ký không hợp lệ (ví dụ: địa chỉ email đã được sử dụng), hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu nhà tuyển dụng nhập lại thông tin hợp lệ.
Business Rules	Nhà tuyển dụng có thể tạo tài khoản miễn phí trên hệ thống nếu chưa có tài khoản nào của nhà tuyển dụng đó trước đó.
Non-Functional Requirement	Giao diện đăng ký phải đơn giản và dễ sử dụng để thuận tiện cho nhà tuyển dụng đăng ký.

Use Case ID	UC02
Use Case Name	Đăng Nhập và Quên Mật Khẩu cho Nhà Tuyển Dụng
Description	Nhà tuyển dụng có thể đăng nhập vào hệ thống và sử dụng tùy chọn quên mật khẩu.
Actor	Nhà Tuyển Dụng
Priority	High
Trigger	Nhà tuyển dụng truy cập trang đăng nhập hoặc chọn tùy chọn quên mật khẩu trên hệ thống.

Pre-Condition(s)	1. Nhà tuyển dụng đã có tài khoản trên hệ thống.
Post-Condition(s)	Nhà tuyển dụng đăng nhập thành công hoặc khôi phục mật khẩu thành công.
Basic Flow	<p>1. Nhà tuyển dụng truy cập trang đăng nhập hoặc chọn tùy chọn quên mật khẩu.</p> <p>2. Nếu đăng nhập, nhà tuyển dụng nhập địa chỉ email và mật khẩu và chọn đăng nhập.</p> <p>3. Nếu chọn quên mật khẩu, hệ thống yêu cầu nhập địa chỉ email để khôi phục mật khẩu.</p> <p>4. Hệ thống gửi email với liên kết khôi phục mật khẩu đến địa chỉ email đã nhập.</p> <p>5. Nhà tuyển dụng kiểm tra email và làm theo hướng dẫn để khôi phục mật khẩu.</p>
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu nhà tuyển dụng muốn hủy bỏ quá trình đăng nhập hoặc khôi phục mật khẩu, quay trở lại trang chủ.
Exception Flow	- <i>Bước 5:</i> Nếu nhận email khôi phục mật khẩu không thành công (ví dụ: địa chỉ email không tồn tại), hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu nhà tuyển dụng nhập lại thông tin chính xác.
Business Rules	Nhà tuyển dụng có thể đăng nhập và sử dụng tùy chọn quên mật khẩu khi cần thiết.
Non-Functional Requirement	Giao diện đăng nhập và khôi phục mật khẩu phải đơn giản và dễ sử dụng để thuận tiện cho nhà tuyển dụng.

Use Case ID	UC03
Use Case Name	Thay Đổi Thông Tin Hồ Sơ cho Nhà Tuyển Dụng
Description	Nhà tuyển dụng có thể thay đổi thông tin trong hồ sơ của mình.
Actor	Nhà Tuyển Dụng
Priority	Medium
Trigger	Nhà tuyển dụng đã đăng nhập vào hệ thống và chọn tùy chọn quản lý thông tin hồ sơ.
Pre-Condition(s)	Nhà tuyển dụng đã có tài khoản và đăng nhập vào hệ thống.
Post-Condition(s)	Thông tin hồ sơ của nhà tuyển dụng được cập nhật thành công.
Basic Flow	<p>1. Nhà tuyển dụng truy cập trang quản lý thông tin hồ sơ trong hệ thống.</p> <p>2. Hệ thống hiển thị thông tin hồ sơ hiện tại của nhà tuyển dụng và tùy chọn chỉnh sửa.</p> <p>3. Nhà tuyển dụng chọn tùy chọn chỉnh sửa và thực hiện các thay đổi cần thiết (ví dụ: địa chỉ công ty, số điện thoại, v.v.).</p> <p>4. Nhà tuyển dụng lưu lại các thay đổi.</p>

Alternative Flow	- <i>Bước 2:</i> Nếu nhà tuyển dụng muốn hủy bỏ quá trình chỉnh sửa, quay trở lại trang chủ.
Exception Flow	- <i>Bước 4:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công (ví dụ: thông tin không hợp lệ), hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu nhà tuyển dụng nhập lại thông tin hợp lệ.
Business Rules	Nhà tuyển dụng có quyền thay đổi thông tin trong hồ sơ của mình khi đăng nhập vào hệ thống.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý thông tin hồ sơ phải cung cấp trải nghiệm người dùng tốt và tiện lợi.

Use Case ID	UC04
Use Case Name	Mua Gói Sử Dụng Bằng PayPal cho Nhà Tuyển Dụng
Description	Nhà tuyển dụng có thể mua gói sử dụng dịch vụ bằng cách thanh toán qua PayPal.
Actor	Nhà Tuyển Dụng
Priority	High
Trigger	Nhà tuyển dụng truy cập trang quản lý gói dịch vụ hoặc nâng cấp tài khoản và chọn tùy chọn mua gói sử dụng.
Pre-Condition(s)	Nhà tuyển dụng đã có tài khoản và đăng nhập vào hệ thống.
Post-Condition(s)	Gói dịch vụ được mua thành công và áp dụng cho tài khoản của nhà tuyển dụng.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> Nhà tuyển dụng truy cập trang quản lý gói dịch vụ hoặc nâng cấp tài khoản. Hệ thống hiển thị các gói dịch vụ có sẵn và chi tiết cụ thể của từng gói. Nhà tuyển dụng chọn gói dịch vụ cần mua. Nhà tuyển dụng chọn tùy chọn thanh toán qua PayPal. Hệ thống chuyển hướng nhà tuyển dụng đến trang thanh toán PayPal. Nhà tuyển dụng thực hiện thanh toán và xác nhận. Hệ thống nhận thông báo thanh toán từ PayPal và áp dụng gói dịch vụ cho tài khoản của nhà tuyển dụng.
Alternative Flow	- <i>Bước 4:</i> Nếu nhà tuyển dụng muốn hủy bỏ quá trình thanh toán, quay trở lại trang chủ.
Exception Flow	- <i>Bước 6:</i> Nếu thanh toán không thành công (ví dụ: thẻ tín dụng không hợp lệ), hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu nhà tuyển dụng thử lại hoặc chọn phương thức thanh toán khác.
Business Rules	Nhà tuyển dụng có thể mua gói sử dụng dịch vụ bằng cách thanh toán qua PayPal.

Non-Functional Requirement	Giao diện thanh toán phải đảm bảo tính bảo mật cao và trải nghiệm người dùng tốt.
-----------------------------------	---

Use Case ID	UC05
Use Case Name	Kiểm Tra Đơn Hàng cho Nhà Tuyển Dụng
Description	Nhà tuyển dụng có thể kiểm tra thông tin và trạng thái của đơn hàng gói dịch vụ đã mua.
Actor	Nhà Tuyển Dụng
Priority	Medium
Trigger	Nhà tuyển dụng truy cập trang quản lý đơn hàng hoặc thông tin tài khoản và chọn tùy chọn kiểm tra đơn hàng.
Pre-Condition(s)	Nhà tuyển dụng đã mua ít nhất một gói dịch vụ và đăng nhập vào hệ thống.
Post-Condition(s)	Nhà tuyển dụng có thông tin chi tiết về đơn hàng và trạng thái hiện tại của nó.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> Nhà tuyển dụng truy cập trang quản lý đơn hàng hoặc thông tin tài khoản. Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng đã mua và chi tiết của từng đơn hàng (ngày mua, gói dịch vụ, giá trị, trạng thái, v.v.). Nhà tuyển dụng chọn đơn hàng cần kiểm tra. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết và trạng thái hiện tại của đơn hàng.
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu nhà tuyển dụng muốn hủy bỏ quá trình kiểm tra đơn hàng, quay trở lại trang chủ.
Exception Flow	- <i>Bước 4:</i> Nếu không có đơn hàng nào hoặc thông tin đơn hàng không thể hiển thị, hệ thống thông báo cho nhà tuyển dụng biết.
Business Rules	Nhà tuyển dụng có quyền kiểm tra thông tin và trạng thái của đơn hàng gói dịch vụ đã mua.
Non-Functional Requirement	Giao diện kiểm tra đơn hàng phải đảm bảo tính bảo mật cao và trải nghiệm người dùng tốt.

Use Case ID	UC06
Use Case Name	Cập Nhật Đơn Hàng cho Nhà Tuyển Dụng
Description	Nhà tuyển dụng có thể cập nhật thông tin và chi tiết của đơn hàng gói dịch vụ đã mua.
Actor	Nhà Tuyển Dụng
Priority	Medium

Trigger	Nhà tuyển dụng truy cập trang quản lý đơn hàng hoặc thông tin tài khoản và chọn tùy chọn cập nhật đơn hàng.
Pre-Condition(s)	Nhà tuyển dụng đã mua ít nhất một gói dịch vụ và đăng nhập vào hệ thống.
Post-Condition(s)	Thông tin của đơn hàng được cập nhật thành công.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> Nhà tuyển dụng truy cập trang quản lý đơn hàng hoặc thông tin tài khoản. Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng đã mua và tùy chọn cập nhật cho mỗi đơn hàng (thông tin đơn hàng, gói dịch vụ, v.v.). Nhà tuyển dụng chọn đơn hàng cần cập nhật. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của đơn hàng và cho phép nhà tuyển dụng chỉnh sửa các thông tin cần thiết (ví dụ: thông tin đơn hàng, gói dịch vụ, v.v.). Nhà tuyển dụng lưu lại các thay đổi.
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu nhà tuyển dụng muốn hủy bỏ quá trình cập nhật đơn hàng, quay trở lại trang chủ.
Exception Flow	- <i>Bước 5:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công (ví dụ: thông tin không hợp lệ), hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu nhà tuyển dụng nhập lại thông tin hợp lệ.
Business Rules	Nhà tuyển dụng có quyền cập nhật thông tin và chi tiết của đơn hàng gói dịch vụ đã mua.
Non-Functional Requirement	Giao diện cập nhật đơn hàng phải đảm bảo tính bảo mật cao và trải nghiệm người dùng tốt.

Use Case ID	UC07
Use Case Name	Quản Lý Công Việc Cho Nhà Tuyển Dụng
Description	Nhà tuyển dụng có thể tạo, sửa và xóa thông tin về các công việc mà họ muốn đăng tuyển.
Actor	Nhà Tuyển Dụng
Priority	High
Trigger	Nhà tuyển dụng truy cập trang quản lý công việc hoặc danh sách công việc và chọn tùy chọn tạo, sửa hoặc xóa công việc.
Pre-Condition(s)	Nhà tuyển dụng đã đăng nhập vào hệ thống và có ít nhất một công việc đã được tạo.
Post-Condition(s)	Thông tin về công việc được tạo mới, cập nhật hoặc xóa thành công.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> Nhà tuyển dụng truy cập trang quản lý công việc hoặc danh sách công việc. Hệ thống hiển thị danh sách công việc hiện có và tùy chọn tạo mới, sửa

	<p>hoặc xóa cho mỗi công việc.</p> <p>3. Nếu nhà tuyển dụng chọn tạo mới, họ nhập thông tin cho công việc mới và chọn lưu.</p> <p>4. Nếu nhà tuyển dụng chọn sửa, họ chọn công việc cần chỉnh sửa, cập nhật thông tin và chọn lưu.</p> <p>5. Nếu nhà tuyển dụng chọn xóa, họ chọn công việc cần xóa và xác nhận hành động xóa.</p>
Alternative Flow	- <i>Bước 3, 4, 5:</i> Nếu nhà tuyển dụng muốn hủy bỏ thao tác tạo, sửa hoặc xóa, quay trở lại trang chủ.
Exception Flow	- <i>Bước 3, 4, 5:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công (ví dụ: thông tin không hợp lệ), hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu nhà tuyển dụng nhập lại thông tin hợp lệ.
Business Rules	Nhà tuyển dụng có quyền tạo, sửa và xóa thông tin về các công việc mà họ muốn đăng tuyển.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý công việc phải đảm bảo tính bảo mật cao và trải nghiệm người dùng tốt.

Use Case ID	UC08
Use Case Name	Kiểm Tra Danh Sách Úng Viên Cho Nhà Tuyển Dụng
Description	Nhà tuyển dụng có thể kiểm tra danh sách các ứng viên đăng ký cho các công việc mà họ đã đăng tuyển.
Actor	Nhà Tuyển Dụng
Priority	High
Trigger	Nhà tuyển dụng truy cập trang quản lý công việc hoặc danh sách công việc và chọn tùy chọn kiểm tra danh sách ứng viên.
Pre-Condition(s)	Nhà tuyển dụng đã đăng nhập vào hệ thống và có ít nhất một công việc đã được đăng tuyển.
Post-Condition(s)	Nhà tuyển dụng có thông tin chi tiết về các ứng viên đã đăng ký cho công việc của mình.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> Nhà tuyển dụng truy cập trang quản lý công việc hoặc danh sách công việc. Hệ thống hiển thị danh sách công việc hiện có và tùy chọn kiểm tra danh sách ứng viên cho mỗi công việc. Nhà tuyển dụng chọn công việc cần kiểm tra danh sách ứng viên. Hệ thống hiển thị danh sách các ứng viên đã đăng ký cho công việc đó, kèm theo thông tin chi tiết về mỗi ứng viên (tên, hồ sơ, vị trí ứng tuyển, v.v.).
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu nhà tuyển dụng muốn hủy bỏ quá trình kiểm tra danh sách ứng viên, quay trở lại trang chủ.

Exception Flow	- <i>Bước 4:</i> Nếu không có ứng viên nào đăng ký cho công việc hoặc thông tin không thể hiển thị, hệ thống thông báo cho nhà tuyển dụng biết.
Business Rules	Nhà tuyển dụng có quyền kiểm tra danh sách các ứng viên đã đăng ký cho công việc của mình.
Non-Functional Requirement	Giao diện kiểm tra danh sách ứng viên phải đảm bảo tính bảo mật cao và trải nghiệm người dùng tốt.

Use Case ID	UC09
Use Case Name	Phê Duyệt/Tù Chối Úng Viên Cho Nhà Tuyển Dụng
Description	Nhà tuyển dụng có thể phê duyệt hoặc từ chối ứng viên đã đăng ký cho các công việc của họ.
Actor	Nhà Tuyển Dụng
Priority	High
Trigger	Nhà tuyển dụng truy cập trang kiểm tra danh sách ứng viên và chọn tùy chọn phê duyệt hoặc từ chối cho mỗi ứng viên.
Pre-Condition(s)	Nhà tuyển dụng đã đăng nhập vào hệ thống và đã kiểm tra danh sách ứng viên cho công việc cần xử lý.
Post-Condition(s)	Trạng thái của ứng viên được cập nhật thành công (đã phê duyệt hoặc từ chối).
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> Nhà tuyển dụng truy cập trang kiểm tra danh sách ứng viên cho công việc cần xử lý. Hệ thống hiển thị danh sách các ứng viên với tùy chọn phê duyệt hoặc từ chối cho mỗi ứng viên. Nhà tuyển dụng chọn ứng viên cần xử lý. Nhà tuyển dụng chọn tùy chọn phê duyệt hoặc từ chối. Hệ thống cập nhật trạng thái của ứng viên dựa trên lựa chọn của nhà tuyển dụng.
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu nhà tuyển dụng muốn hủy bỏ quá trình phê duyệt hoặc từ chối, quay trở lại trang danh sách ứng viên.
Exception Flow	- <i>Bước 5:</i> Nếu cập nhật trạng thái không thành công (ví dụ: lỗi hệ thống), hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu nhà tuyển dụng thử lại.
Business Rules	Nhà tuyển dụng có quyền phê duyệt hoặc từ chối ứng viên đã đăng ký cho công việc của mình.
Non-Functional Requirement	Giao diện phê duyệt/tù chối ứng viên phải đảm bảo tính bảo mật cao và trải nghiệm người dùng tốt.

Use Case ID	UC10
Use Case Name	Đặt Công Việc Nổi Bật hoặc Công Việc Khẩn Cấp Cho Nhà Tuyển Dụng
Description	Nhà tuyển dụng có thể làm cho công việc trở nên nổi bật hoặc được đánh dấu là công việc khẩn cấp để thu hút sự chú ý của ứng viên.
Actor	Nhà Tuyển Dụng
Priority	High
Trigger	Nhà tuyển dụng truy cập trang quản lý công việc hoặc chi tiết công việc và chọn tùy chọn làm nổi bật hoặc đặt làm công việc khẩn cấp.
Pre-Condition(s)	Nhà tuyển dụng đã đăng nhập vào hệ thống và đã tạo ít nhất một công việc.
Post-Condition(s)	Trạng thái của công việc được cập nhật thành công (được làm nổi bật hoặc công việc khẩn cấp).
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhà tuyển dụng truy cập trang quản lý công việc hoặc chi tiết công việc cần xử lý. 2. Hệ thống hiển thị danh sách các công việc hiện có và tùy chọn làm nổi bật hoặc đặt làm công việc khẩn cấp cho mỗi công việc. 3. Nhà tuyển dụng chọn công việc cần xử lý. 4. Nhà tuyển dụng chọn tùy chọn làm nổi bật hoặc đặt làm công việc khẩn cấp. 5. Hệ thống cập nhật trạng thái của công việc dựa trên lựa chọn của nhà tuyển dụng.
Alternative Flow	- <i>Bước 3:</i> Nếu nhà tuyển dụng muốn hủy bỏ quá trình làm nổi bật hoặc đặt làm công việc khẩn cấp, quay trở lại trang danh sách công việc.
Exception Flow	- <i>Bước 5:</i> Nếu cập nhật trạng thái không thành công (ví dụ: lỗi hệ thống), hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu nhà tuyển dụng thử lại.
Business Rules	Nhà tuyển dụng có quyền làm nổi bật hoặc đặt làm công việc khẩn cấp để thu hút sự chú ý của ứng viên.
Non-Functional Requirement	Giao diện làm nổi bật hoặc đặt làm công việc khẩn cấp phải đảm bảo tính bảo mật cao và trải nghiệm người dùng tốt.

2.3. Use Case Úng viên:

Use Case ID	UC01
Use Case Name	Đăng Ký Tài Khoản Miễn Phí Cho Úng Viên
Description	Úng viên có thể đăng ký tài khoản miễn phí để truy cập và sử dụng các tính năng của hệ thống.
Actor	Úng Viên
Priority	High
Trigger	Úng viên truy cập trang đăng ký và chọn tùy chọn đăng ký tài khoản miễn phí.
Pre-Condition(s)	Úng viên chưa có tài khoản trong hệ thống.
Post-Condition(s)	Tài khoản mới của ứng viên được tạo thành công và họ có thể đăng nhập vào hệ thống.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> Úng viên truy cập trang đăng ký trên hệ thống. Hệ thống hiển thị mẫu đăng ký với các trường thông tin cần điền. Úng viên điền thông tin cá nhân (tên, email, mật khẩu, v.v.). Úng viên chọn tùy chọn đăng ký tài khoản miễn phí. Hệ thống kiểm tra thông tin, xác nhận tính hợp lệ và tạo tài khoản mới cho ứng viên. Hệ thống gửi email xác nhận đến ứng viên.
Alternative Flow	- <i>Bước 4:</i> Nếu ứng viên muốn hủy bỏ quá trình đăng ký, quay trở lại trang chủ.
Exception Flow	- <i>Bước 5:</i> Nếu thông tin không hợp lệ hoặc email đã được sử dụng trong hệ thống, hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu ứng viên nhập lại thông tin hợp lệ.
Business Rules	Úng viên có quyền đăng ký tài khoản miễn phí để truy cập các tính năng của hệ thống.
Non-Functional Requirement	Giao diện đăng ký tài khoản phải đảm bảo tính bảo mật cao và trải nghiệm người dùng tốt.

Use Case ID	UC02
Use Case Name	Đăng Nhập và Quên Mật Khẩu Cho Úng Viên
Description	Úng viên có thể đăng nhập vào tài khoản của mình và sử dụng tùy chọn quên mật khẩu nếu cần thiết.
Actor	Úng Viên
Priority	High

Trigger	Ứng viên truy cập trang đăng nhập và chọn tùy chọn đăng nhập hoặc quên mật khẩu.
Pre-Condition(s)	Ứng viên đã có tài khoản trong hệ thống.
Post-Condition(s)	Ứng viên đăng nhập thành công hoặc yêu cầu đặt lại mật khẩu được xác nhận.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ứng viên truy cập trang đăng nhập trên hệ thống. 2. Hệ thống hiển thị mẫu đăng nhập với các trường thông tin cần điền. 3. Ứng viên nhập thông tin đăng nhập (email và mật khẩu). 4. Ứng viên chọn tùy chọn đăng nhập. 5. Nếu ứng viên chọn quên mật khẩu, hệ thống chuyển hướng họ đến trang đặt lại mật khẩu. 6. Ứng viên điền email của mình vào trang đặt lại mật khẩu và chọn gửi yêu cầu. 7. Hệ thống kiểm tra thông tin và gửi email xác nhận đặt lại mật khẩu.
Alternative Flow	- <i>Bước 5:</i> Nếu ứng viên không chọn quên mật khẩu, quá trình đăng nhập tiếp tục.
Exception Flow	- <i>Bước 7:</i> Nếu email không hợp lệ hoặc không tồn tại trong hệ thống, hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu ứng viên nhập lại thông tin hợp lệ.
Business Rules	Ứng viên có quyền đăng nhập vào tài khoản và sử dụng tùy chọn quên mật khẩu nếu cần.
Non-Functional Requirement	Giao diện đăng nhập và quên mật khẩu phải đảm bảo tính bảo mật cao và trải nghiệm người dùng tốt.

Use Case ID	UC03
Use Case Name	Thay Đổi Thông Tin Hồ Sơ Cho Ứng Viên
Description	Ứng viên có thể thay đổi thông tin cá nhân và hồ sơ của mình trong hệ thống.
Actor	Ứng Viên
Priority	Medium
Trigger	Ứng viên đăng nhập vào tài khoản và truy cập trang quản lý thông tin cá nhân hoặc hồ sơ.
Pre-Condition(s)	Ứng viên đã đăng nhập vào hệ thống và có tài khoản cá nhân.
Post-Condition(s)	Thông tin cá nhân và hồ sơ của ứng viên được cập nhật thành công.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ứng viên đăng nhập vào tài khoản cá nhân. 2. Hệ thống hiển thị trang quản lý thông tin cá nhân hoặc hồ sơ. 3. Ứng viên chỉnh sửa thông tin cá nhân hoặc hồ sơ cần thay đổi. 4. Ứng viên lưu lại các thay đổi.

Alternative Flow	- <i>Bước 4:</i> Nếu ứng viên muốn hủy bỏ quá trình chỉnh sửa, quay trở lại trang quản lý thông tin cá nhân hoặc hồ sơ.
Exception Flow	- <i>Bước 4:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công (ví dụ: thông tin không hợp lệ), hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu ứng viên nhập lại thông tin hợp lệ.
Business Rules	Ứng viên có quyền thay đổi thông tin cá nhân và hồ sơ của mình trong hệ thống.
Non-Functional Requirement	Giao diện thay đổi thông tin cá nhân và hồ sơ phải đảm bảo tính bảo mật cao và trải nghiệm người dùng tốt.

Use Case ID	UC04
Use Case Name	Quản Lý Học Vấn Cho Ứng Viên
Description	Ứng viên có thể tạo, sửa và xóa thông tin về học vấn của mình trong hồ sơ.
Actor	Ứng Viên
Priority	Medium
Trigger	Ứng viên đăng nhập vào tài khoản và truy cập trang quản lý học vấn trong hồ sơ cá nhân.
Pre-Condition(s)	Ứng viên đã đăng nhập vào hệ thống và có tài khoản cá nhân với thông tin hồ sơ.
Post-Condition(s)	Thông tin về học vấn của ứng viên được tạo mới, cập nhật hoặc xóa thành công.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> Ứng viên đăng nhập vào tài khoản cá nhân. Hệ thống hiển thị trang quản lý học vấn trong hồ sơ. Ứng viên chọn tùy chọn tạo mới, sửa hoặc xóa thông tin học vấn. Nếu ứng viên chọn tạo mới, họ nhập thông tin về học vấn mới và lưu lại. Nếu ứng viên chọn sửa, họ chọn học vấn cần chỉnh sửa, cập nhật thông tin và lưu lại. Nếu ứng viên chọn xóa, họ chọn học vấn cần xóa và xác nhận hành động xóa.
Alternative Flow	- <i>Bước 3, 4, 5, 6:</i> Nếu ứng viên muốn hủy bỏ quá trình tạo, sửa hoặc xóa học vấn, quay trở lại trang quản lý học vấn trong hồ sơ.
Exception Flow	- <i>Bước 4, 5, 6:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công (ví dụ: thông tin không hợp lệ), hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu ứng viên nhập lại thông tin hợp lệ.
Business Rules	Ứng viên có quyền quản lý thông tin về học vấn trong hồ sơ cá nhân.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý học vấn phải đảm bảo tính bảo mật cao và trải nghiệm người dùng tốt.

Use Case ID	UC05
Use Case Name	Quản Lý Kinh Nghiệm Làm Việc Cho Ứng Viên
Description	Ứng viên có thể tạo, sửa và xóa thông tin về kinh nghiệm làm việc của mình trong hồ sơ.
Actor	Ứng Viên
Priority	Medium
Trigger	Ứng viên đăng nhập vào tài khoản và truy cập trang quản lý kinh nghiệm làm việc trong hồ sơ cá nhân.
Pre-Condition(s)	Ứng viên đã đăng nhập vào hệ thống và có tài khoản cá nhân với thông tin hồ sơ.
Post-Condition(s)	Thông tin về kinh nghiệm làm việc của ứng viên được tạo mới, cập nhật hoặc xóa thành công.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> Ứng viên đăng nhập vào tài khoản cá nhân. Hệ thống hiển thị trang quản lý kinh nghiệm làm việc trong hồ sơ. Ứng viên chọn tùy chọn tạo mới, sửa hoặc xóa thông tin kinh nghiệm làm việc. Nếu ứng viên chọn tạo mới, họ nhập thông tin về kinh nghiệm làm việc mới và lưu lại. Nếu ứng viên chọn sửa, họ chọn kinh nghiệm làm việc cần chỉnh sửa, cập nhật thông tin và lưu lại. Nếu ứng viên chọn xóa, họ chọn kinh nghiệm làm việc cần xóa và xác nhận hành động xóa.
Alternative Flow	- <i>Bước 3, 4, 5, 6:</i> Nếu ứng viên muốn hủy bỏ quá trình tạo, sửa hoặc xóa kinh nghiệm làm việc, quay trở lại trang quản lý kinh nghiệm làm việc trong hồ sơ.
Exception Flow	- <i>Bước 4, 5, 6:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công (ví dụ: thông tin không hợp lệ), hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu ứng viên nhập lại thông tin hợp lệ.
Business Rules	Ứng viên có quyền quản lý thông tin về kinh nghiệm làm việc trong hồ sơ cá nhân.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý kinh nghiệm làm việc phải đảm bảo tính bảo mật cao và trải nghiệm người dùng tốt.

Use Case ID	UC06
Use Case Name	Quản Lý Kỹ Năng Cho Úng Viên
Description	Úng viên có thể tạo, sửa và xóa thông tin về kỹ năng của mình trong hồ sơ.
Actor	Úng Viên
Priority	Medium
Trigger	Úng viên đăng nhập vào tài khoản và truy cập trang quản lý kỹ năng trong hồ sơ cá nhân.
Pre-Condition(s)	Úng viên đã đăng nhập vào hệ thống và có tài khoản cá nhân với thông tin hồ sơ.
Post-Condition(s)	Thông tin về kỹ năng của ứng viên được tạo mới, cập nhật hoặc xóa thành công.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> Ứng viên đăng nhập vào tài khoản cá nhân. Hệ thống hiển thị trang quản lý kỹ năng trong hồ sơ. Ứng viên chọn tùy chọn tạo mới, sửa hoặc xóa thông tin kỹ năng. Nếu ứng viên chọn tạo mới, họ nhập thông tin về kỹ năng mới và lưu lại. Nếu ứng viên chọn sửa, họ chọn kỹ năng cần chỉnh sửa, cập nhật thông tin và lưu lại. Nếu ứng viên chọn xóa, họ chọn kỹ năng cần xóa và xác nhận hành động xóa.
Alternative Flow	- <i>Bước 3, 4, 5, 6:</i> Nếu ứng viên muốn hủy bỏ quá trình tạo, sửa hoặc xóa kỹ năng, quay trở lại trang quản lý kỹ năng trong hồ sơ.
Exception Flow	- <i>Bước 4, 5, 6:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công (ví dụ: thông tin không hợp lệ), hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu ứng viên nhập lại thông tin hợp lệ.
Business Rules	Ứng viên có quyền quản lý thông tin về kỹ năng trong hồ sơ cá nhân.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý kỹ năng phải đảm bảo tính bảo mật cao và trải nghiệm người dùng tốt.

Use Case ID	UC07
Use Case Name	Quản Lý Giải Thưởng Cho Úng Viên
Description	Úng viên có thể tạo, sửa và xóa thông tin về giải thưởng của mình trong hồ sơ.
Actor	Úng Viên
Priority	Medium
Trigger	Úng viên đăng nhập vào tài khoản và truy cập trang quản lý giải thưởng

	trong hồ sơ cá nhân.
Pre-Condition(s)	Ứng viên đã đăng nhập vào hệ thống và có tài khoản cá nhân với thông tin hồ sơ.
Post-Condition(s)	Thông tin về giải thưởng của ứng viên được tạo mới, cập nhật hoặc xóa thành công.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ứng viên đăng nhập vào tài khoản cá nhân. 2. Hệ thống hiển thị trang quản lý giải thưởng trong hồ sơ. 3. Ứng viên chọn tùy chọn tạo mới, sửa hoặc xóa thông tin giải thưởng. 4. Nếu ứng viên chọn tạo mới, họ nhập thông tin về giải thưởng mới và lưu lại. 5. Nếu ứng viên chọn sửa, họ chọn giải thưởng cần chỉnh sửa, cập nhật thông tin và lưu lại. 6. Nếu ứng viên chọn xóa, họ chọn giải thưởng cần xóa và xác nhận hành động xóa.
Alternative Flow	- <i>Bước 3, 4, 5, 6:</i> Nếu ứng viên muốn hủy bỏ quá trình tạo, sửa hoặc xóa giải thưởng, quay trở lại trang quản lý giải thưởng trong hồ sơ.
Exception Flow	- <i>Bước 4, 5, 6:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công (ví dụ: thông tin không hợp lệ), hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu ứng viên nhập lại thông tin hợp lệ.
Business Rules	Ứng viên có quyền quản lý thông tin về giải thưởng trong hồ sơ cá nhân.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý giải thưởng phải đảm bảo tính bảo mật cao và trải nghiệm người dùng tốt.

Use Case ID	UC08
Use Case Name	Quản Lý Sơ Yêu Lý Lịch Cho Ứng Viên
Description	Ứng viên có thể tạo, sửa và xóa sơ yếu lý lịch của mình trong hồ sơ.
Actor	Ứng Viên
Priority	Medium
Trigger	Ứng viên đăng nhập vào tài khoản và truy cập trang quản lý sơ yếu lý lịch trong hồ sơ cá nhân.
Pre-Condition(s)	Ứng viên đã đăng nhập vào hệ thống và có tài khoản cá nhân với thông tin hồ sơ.
Post-Condition(s)	Thông tin về sơ yếu lý lịch của ứng viên được tạo mới, cập nhật hoặc xóa thành công.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ứng viên đăng nhập vào tài khoản cá nhân. 2. Hệ thống hiển thị trang quản lý sơ yếu lý lịch trong hồ sơ. 3. Ứng viên chọn tùy chọn tạo mới, sửa hoặc xóa thông tin sơ yếu lý lịch. 4. Nếu ứng viên chọn tạo mới, họ tải lên file sơ yếu lý lịch mới và lưu lại.

	<p>5. Nếu ứng viên chọn sửa, họ chọn sơ yếu lý lịch cần chỉnh sửa, cập nhật thông tin và lưu lại.</p> <p>6. Nếu ứng viên chọn xóa, họ chọn sơ yếu lý lịch cần xóa và xác nhận hành động xóa.</p>
Alternative Flow	- <i>Bước 3, 4, 5, 6:</i> Nếu ứng viên muốn hủy bỏ quá trình tạo, sửa hoặc xóa sơ yếu lý lịch, quay trở lại trang quản lý sơ yếu lý lịch trong hồ sơ.
Exception Flow	- <i>Bước 4, 5, 6:</i> Nếu lưu thay đổi không thành công (ví dụ: file không hợp lệ), hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu ứng viên nhập lại thông tin hợp lệ.
Business Rules	Ứng viên có quyền quản lý thông tin về sơ yếu lý lịch trong hồ sơ cá nhân.
Non-Functional Requirement	Giao diện quản lý sơ yếu lý lịch phải đảm bảo tính bảo mật cao và trải nghiệm người dùng tốt.

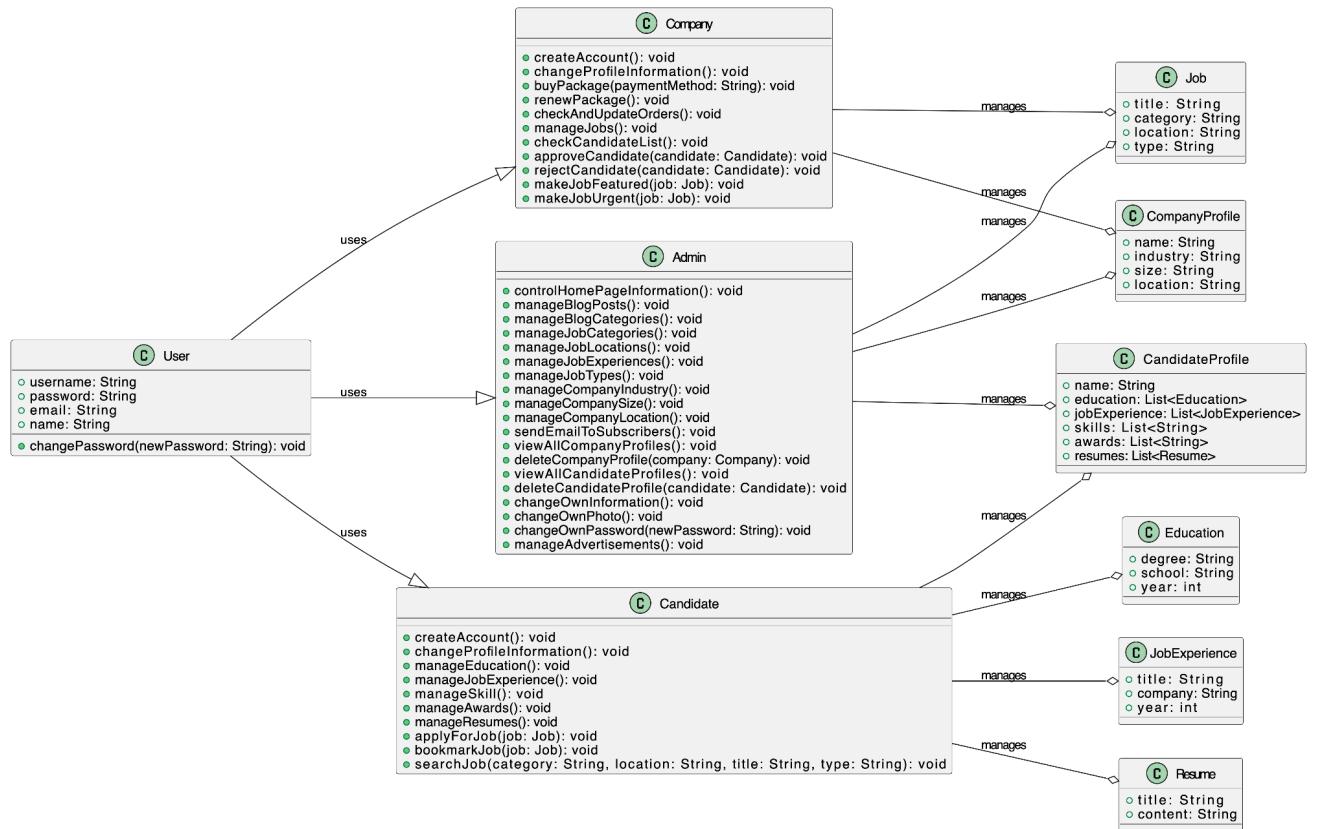
Use Case ID	UC09
Use Case Name	Nộp Đơn Úng Tuyển Cho Công Việc
Description	Ứng viên có thể nộp đơn ứng tuyển vào một công việc cụ thể.
Actor	Ứng Viên
Priority	High
Trigger	Ứng viên tìm và chọn công việc muốn ứng tuyển sau đó nhấp vào nút "Nộp Đơn" hoặc tương tự.
Pre-Condition(s)	Ứng viên đã đăng nhập vào tài khoản và đã có hồ sơ cá nhân. Công việc mà ứng viên muốn ứng tuyển đang mở cho việc nộp đơn.
Post-Condition(s)	Đơn ứng tuyển được gửi thành công và lưu lại trong hồ sơ cá nhân của ứng viên và công ty đang tuyển.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ứng viên đăng nhập vào tài khoản cá nhân. 2. Ứng viên tìm và chọn công việc muốn ứng tuyển từ danh sách công việc có sẵn. 3. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết về công việc và nút "Nộp Đơn". 4. Ứng viên nhấp vào nút "Nộp Đơn". 5. Hệ thống hiển thị form đơn ứng tuyển với các trường thông tin cần điền. 6. Ứng viên điền thông tin vào form và nhấp vào nút "Gửi Đơn". 7. Hệ thống lưu đơn ứng tuyển vào hồ sơ cá nhân của ứng viên và thông báo thành công.
Alternative Flow	- <i>Bước 4:</i> Nếu công việc đã đóng cho việc nộp đơn, hệ thống thông báo cho ứng viên biết và không hiển thị nút "Nộp Đơn".
Exception Flow	- <i>Bước 6:</i> Nếu lưu đơn ứng tuyển không thành công (ví dụ: thông tin không hợp lệ), hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu ứng viên nhập lại thông tin hợp lệ.

Business Rules	- Úng viên chỉ có thể nộp đơn ứng tuyển cho công việc mà họ đủ điều kiện và công việc đang mở cho việc nộp đơn.
Non-Functional Requirement	Giao diện nộp đơn ứng tuyển phải đảm bảo tính bảo mật cao và trải nghiệm người dùng tốt.

Use Case ID	UC10
Use Case Name	Đánh Dấu Công Việc Cho Úng Viên
Description	Úng viên có thể đánh dấu một công việc cụ thể để lưu lại hoặc theo dõi sau này.
Actor	Úng Viên
Priority	Low
Trigger	Úng viên tìm và chọn công việc muốn đánh dấu từ danh sách công việc có sẵn.
Pre-Condition(s)	Úng viên đã đăng nhập vào tài khoản và đã có hồ sơ cá nhân. Công việc mà ứng viên muốn đánh dấu đang mở cho việc đánh dấu.
Post-Condition(s)	Công việc được đánh dấu và lưu lại trong danh sách công việc đã đánh dấu của ứng viên.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> Úng viên đăng nhập vào tài khoản cá nhân. Úng viên tìm và chọn công việc muốn đánh dấu từ danh sách công việc có sẵn. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết về công việc và nút "Đánh Dấu". Úng viên nhấp vào nút "Đánh Dấu". Công việc được thêm vào danh sách công việc đã đánh dấu trong hồ sơ cá nhân của ứng viên và thông báo thành công.
Alternative Flow	<ul style="list-style-type: none"> <i>Bước 3:</i> Nếu công việc đã đóng cho việc đánh dấu, hệ thống thông báo cho ứng viên biết và không hiển thị nút "Đánh Dấu".
Exception Flow	<ul style="list-style-type: none"> <i>Bước 5:</i> Nếu đánh dấu công việc không thành công (ví dụ: công việc đã bị xóa hoặc không tồn tại), hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu ứng viên thực hiện lại.
Business Rules	- Úng viên có thể đánh dấu công việc để theo dõi và lưu lại cho công việc quan trọng hoặc quan tâm.
Non-Functional Requirement	Giao diện đánh dấu công việc phải đảm bảo tính bảo mật cao và trải nghiệm người dùng tốt.

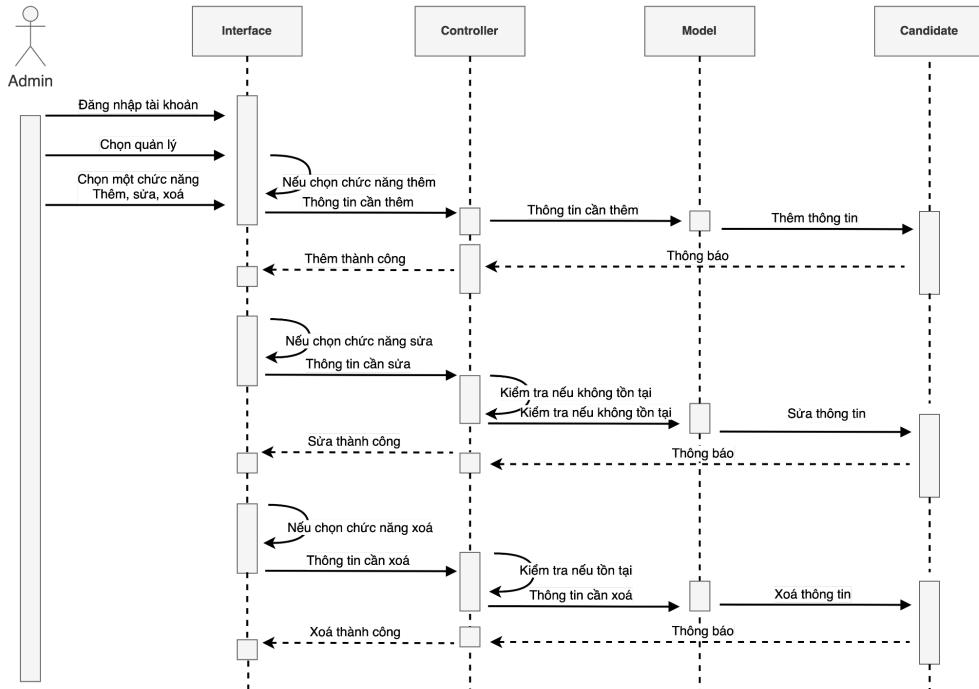
Use Case ID	UC11
Use Case Name	Tìm Kiếm Công Việc
Description	Ứng viên có thể tìm kiếm công việc dựa trên các tiêu chí như danh mục, địa điểm, tiêu đề, v.v.
Actor	Ứng Viên
Priority	High
Trigger	Ứng viên đăng nhập vào tài khoản và truy cập trang tìm kiếm công việc.
Pre-Condition(s)	Ứng viên đã đăng nhập vào hệ thống và đã có hồ sơ cá nhân.
Post-Condition(s)	Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm dựa trên các tiêu chí đã chọn và ứng viên có thể xem danh sách công việc tương ứng.
Basic Flow	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ứng viên đăng nhập vào tài khoản cá nhân. 2. Ứng viên truy cập trang tìm kiếm công việc. 3. Hệ thống hiển thị các tiêu chí tìm kiếm như danh mục, địa điểm, tiêu đề, v.v. 4. Ứng viên chọn và nhập các tiêu chí tìm kiếm. 5. Ứng viên nhấp vào nút "Tìm Kiếm". 6. Hệ thống trả về kết quả tìm kiếm dựa trên các tiêu chí đã chọn. 7. Ứng viên xem danh sách công việc tương ứng và có thể chọn một công việc để xem chi tiết.
Alternative Flow	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Bước 4:</i> Nếu ứng viên không chọn bất kỳ tiêu chí nào và nhấp vào nút "Tìm Kiếm", hệ thống trả về tất cả các công việc có sẵn.
Exception Flow	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Bước 6:</i> Nếu không có kết quả nào phù hợp với tiêu chí tìm kiếm, hệ thống thông báo cho ứng viên biết và đề xuất thử lại với các tiêu chí khác.
Business Rules	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng viên có quyền tìm kiếm công việc dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau.
Non-Functional Requirement	Giao diện tìm kiếm công việc phải đảm bảo tính nhanh chóng, dễ sử dụng và hiệu quả.

3. Class Diagram:

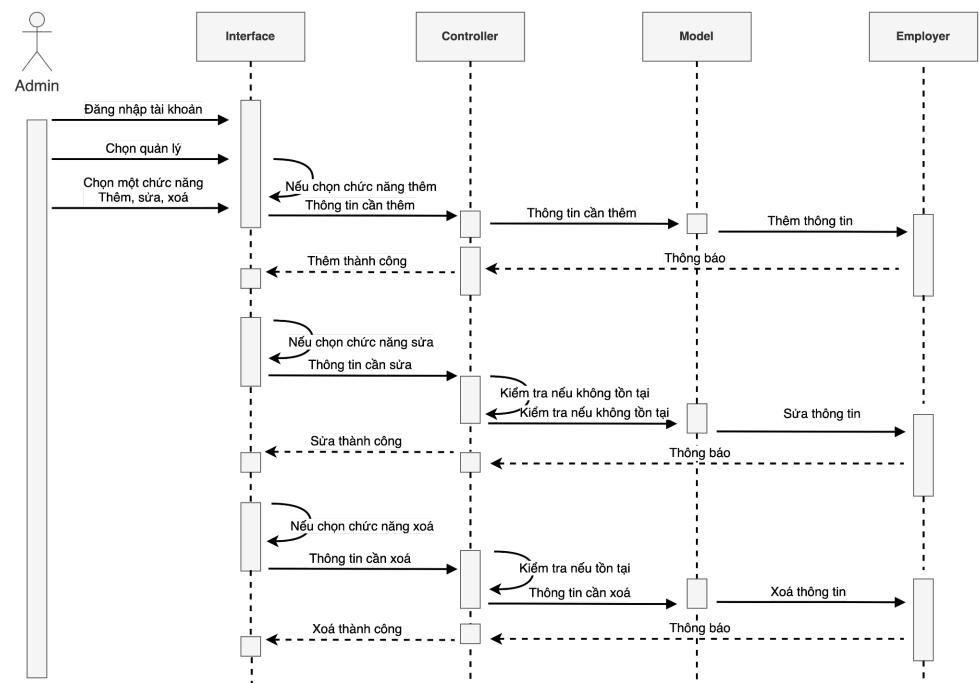


Hình 3.1: Mô hình Class Diagram tổng quát

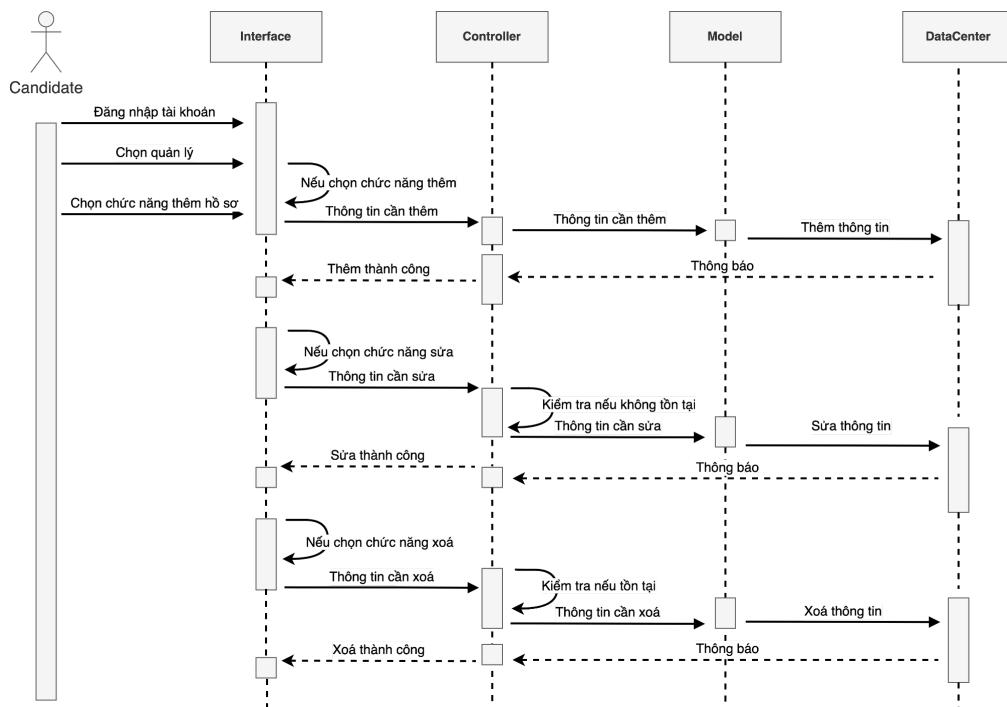
4. Sequence Diagram:



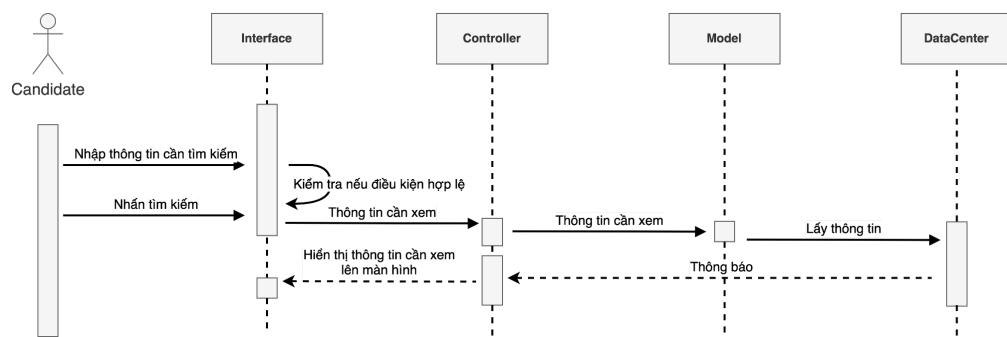
Hình 4.1: Sequence - Admin quản lý Ứng viên



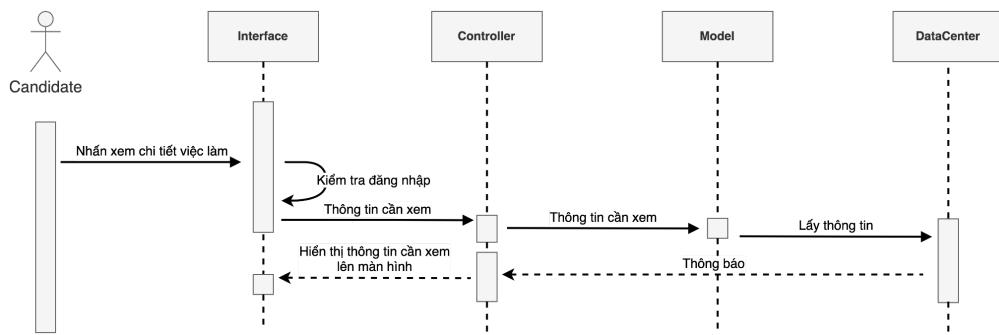
Hình 4.2: Sequence - Admin quản lý Nhà tuyển dụng



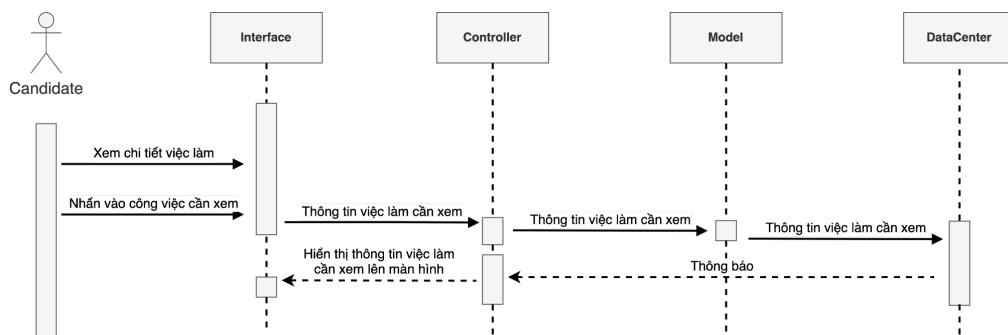
Hình 4.3: Sequence - Ứng viên quản lý hồ sơ



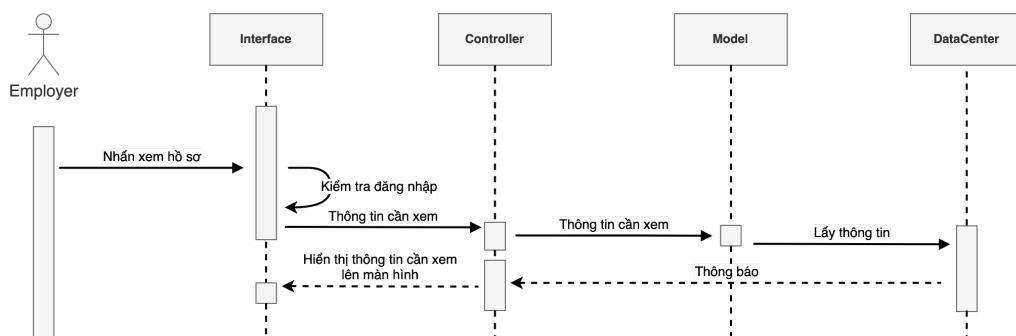
Hình 4.4: Sequence - Ứng viên quản lý việc làm



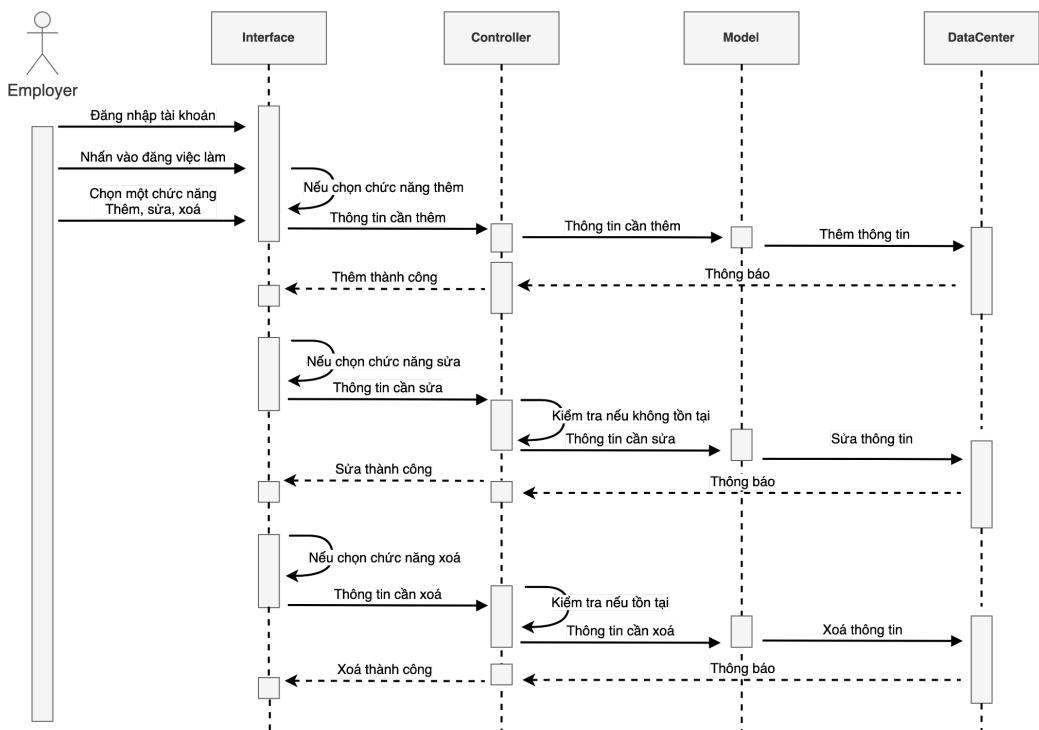
Hình 4.5: Sequence - Úng viên tìm kiếm việc làm



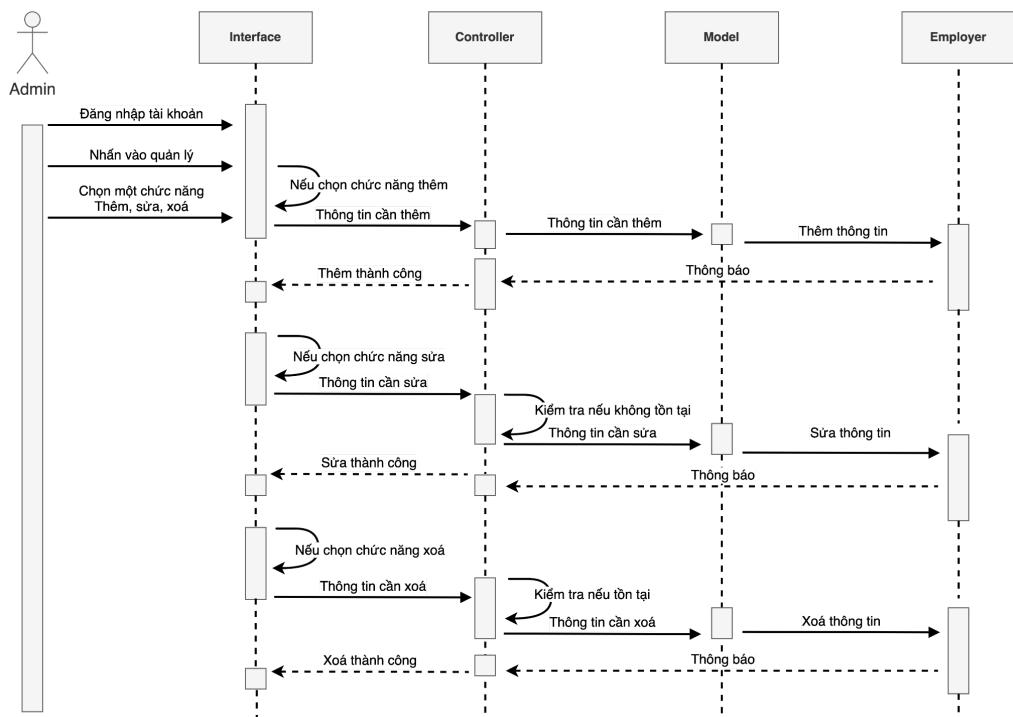
Hình 4.6: Sequence - Úng viên xem chi tiết việc làm



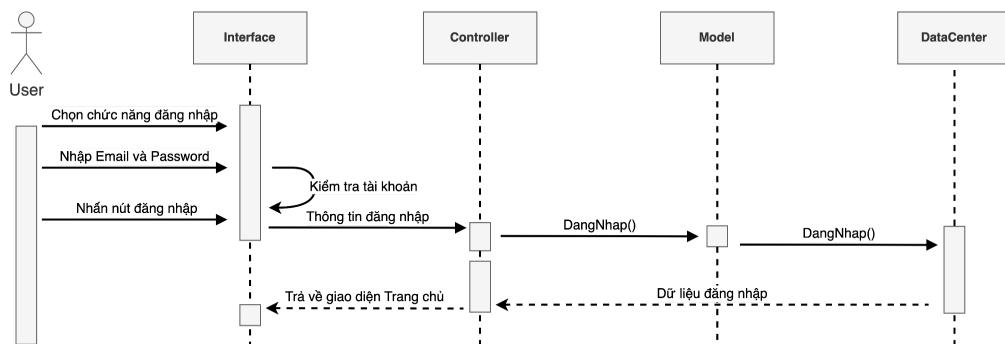
Hình 4.7: Sequence - Nhà tuyển dụng xem hồ sơ



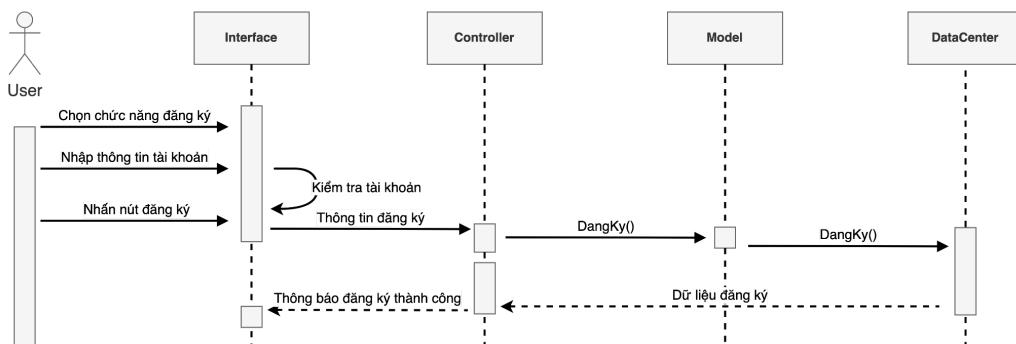
Hình 4.8: Sequence - Nhà tuyển dụng đăng việc làm



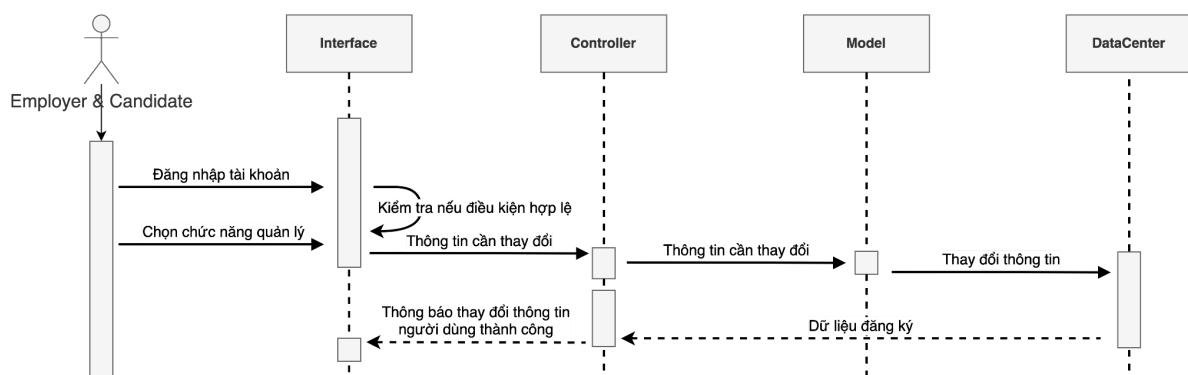
Hình 4.9: Sequence - Nhà tuyển dụng quản lý việc làm



Hình 4.10: Sequence - User đăng nhập

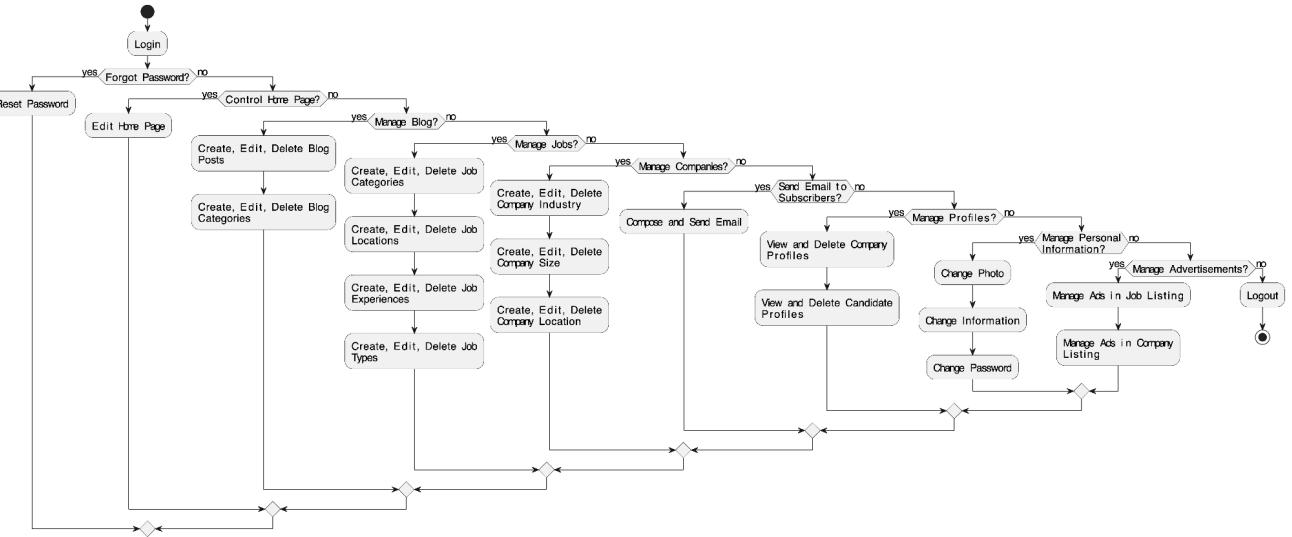


Hình 4.11: Sequence - User đăng ký

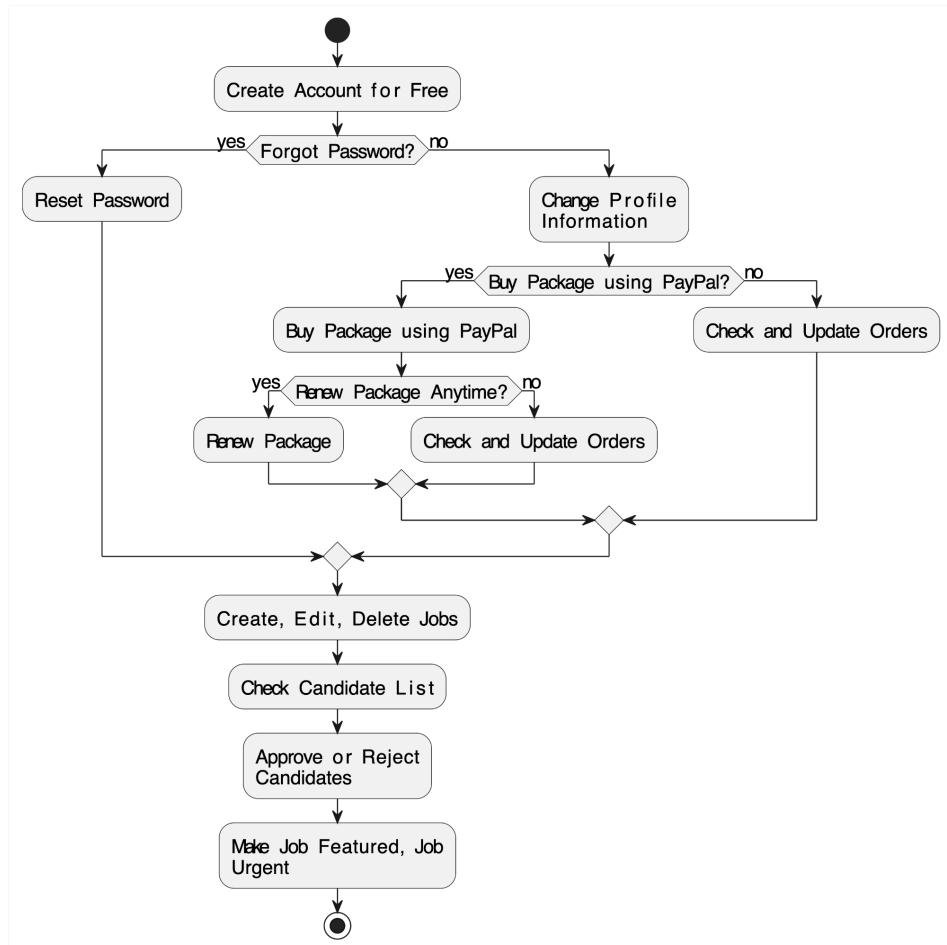


Hình 4.12: Sequence - Nhà tuyển dụng & Ứng viên đổi mật khẩu

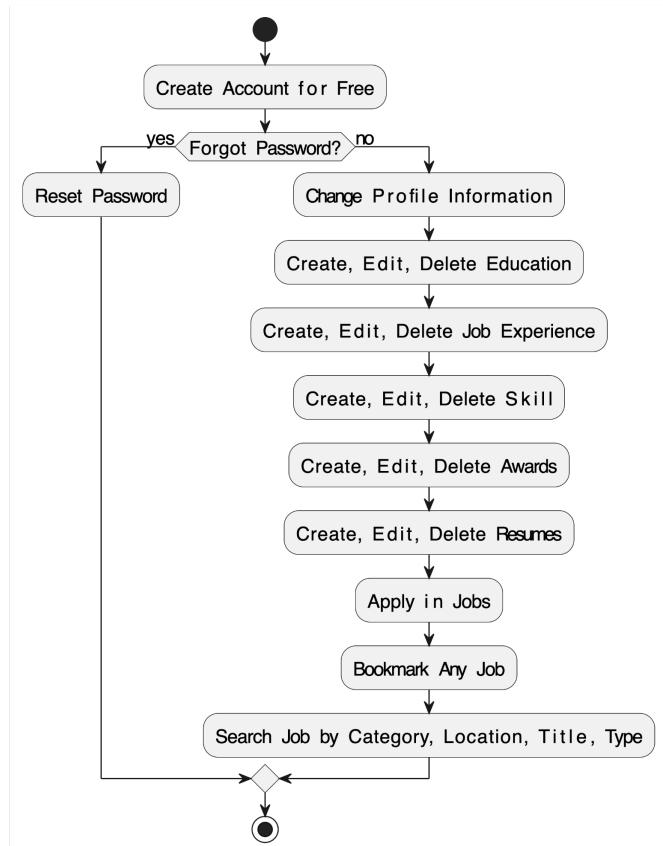
5. Activity Diagram:



Hình 5.1: Mô hình Activity Diagram của Admin



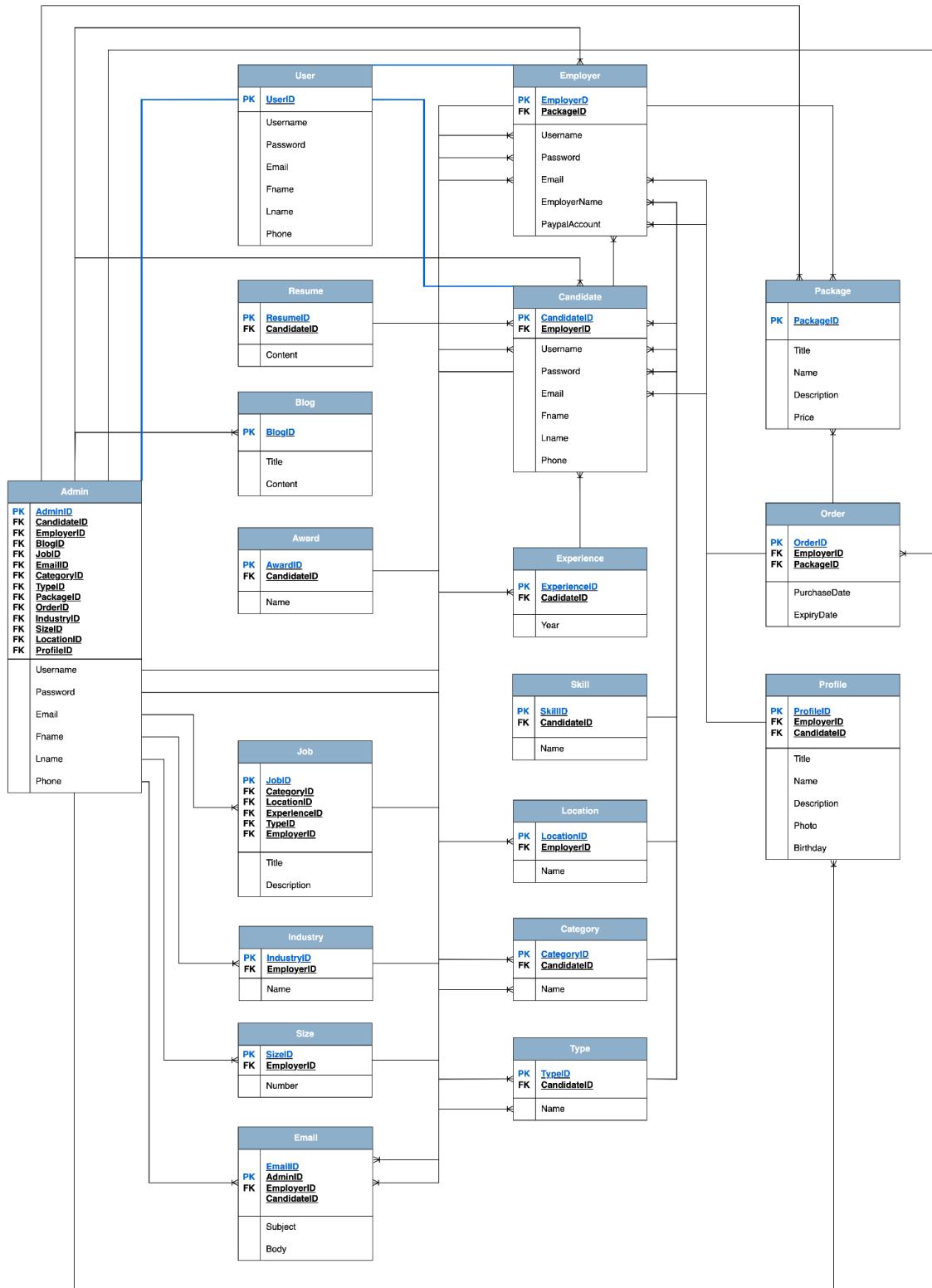
Hình 5.2: Mô hình Activity Diagram của Nhà tuyển dụng



Hình 5.3: Mô hình Activity Diagram của Úng viên

6. Database Design:

6.1. Entity Relationship Diagram:



Hình 6.1: Mô hình ERD tổng quát

IV. XÂY DỰNG WEBSITE:

1. UI Design:

1.1. Logo:

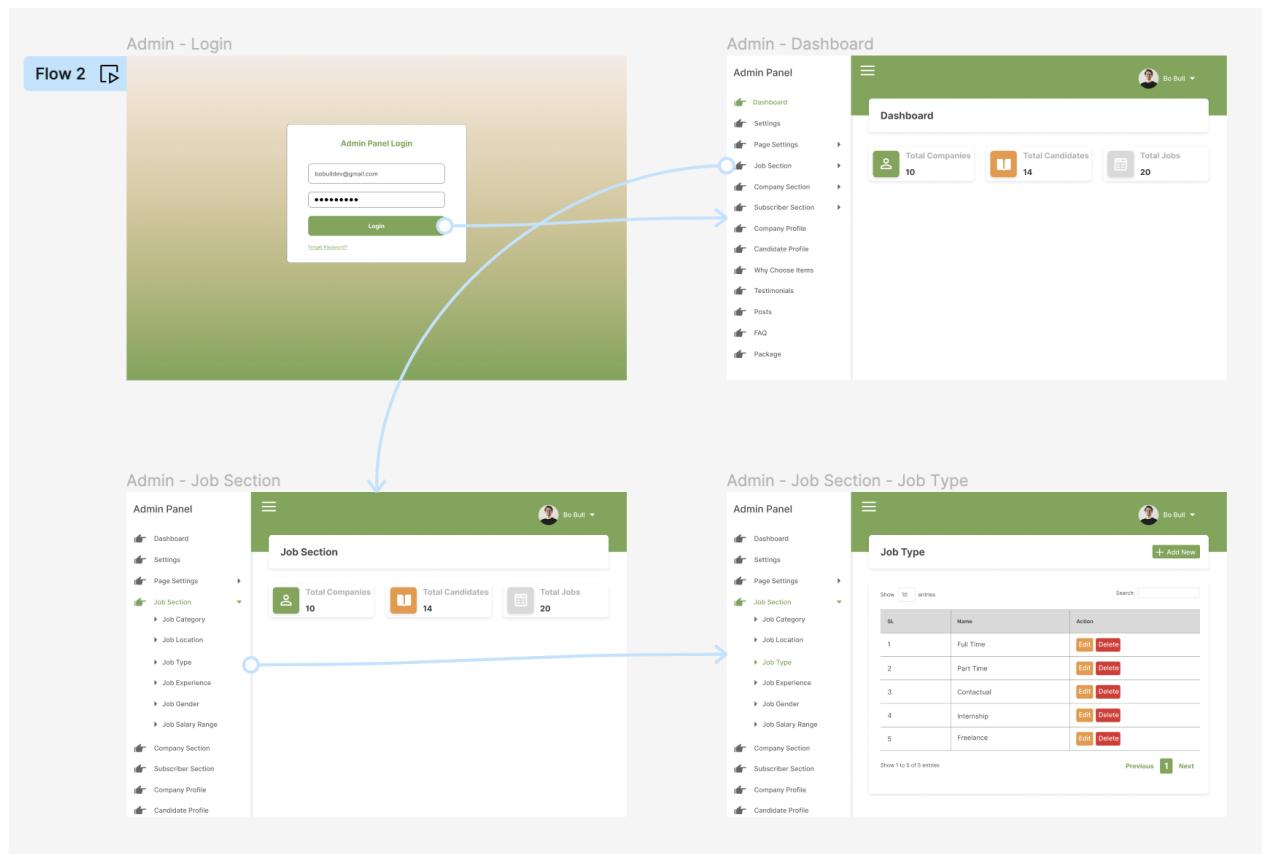


Hình 1.1: Logo JobsJungle

1.2. Figma:

The image displays a wireframe of the JobsJungle website's user interface. On the left, a blue callout labeled "Flow 1" points from the logo to the "Trang chủ" (Home) screen. This screen features a search bar with placeholder text "Search for your desired job", a "Find Your Desired Job" heading, and a "Job Categories" section with various icons and counts. Below this is a "Why Choose Us" section and a "Featured Jobs" grid. On the right, another blue callout points from the "Trang chủ" screen to the "Danh sách công việc" (Job Listing) screen. This screen shows a detailed search form with dropdowns for "Job Title", "Job Category", "Job Location", "Job Type", "Job Experience", "Job Gender", and "Job Salary Range". It also includes a "Search" button and a "Recent Searches" sidebar.

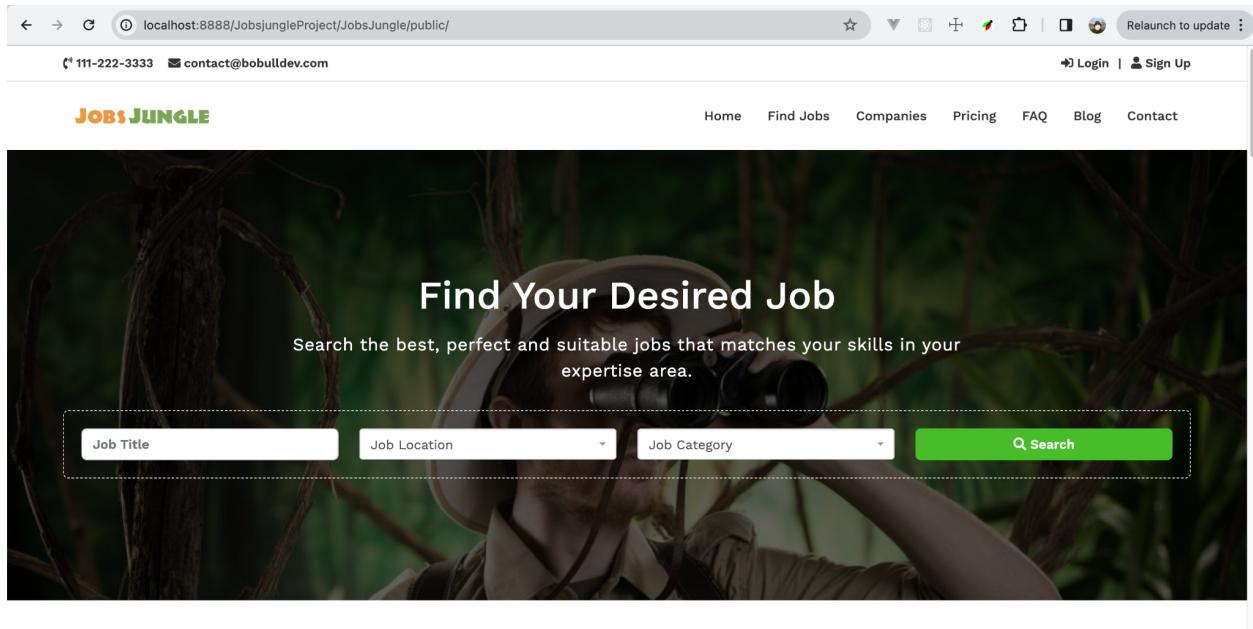
Hình 1.2.1: Giao diện Trang chủ & Danh sách công việc



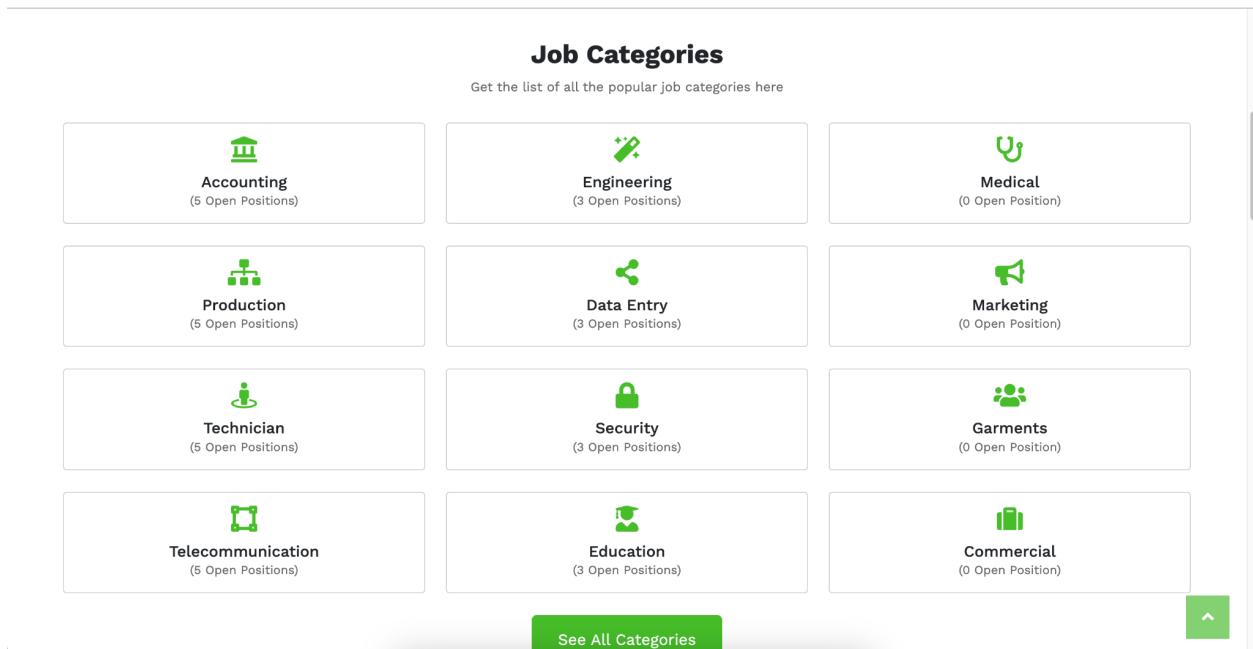
Hình 1.2.2: Giao diện Admin Panel Login & Dashboard

2. Website:

2.1. Giao diện Trang Chủ:

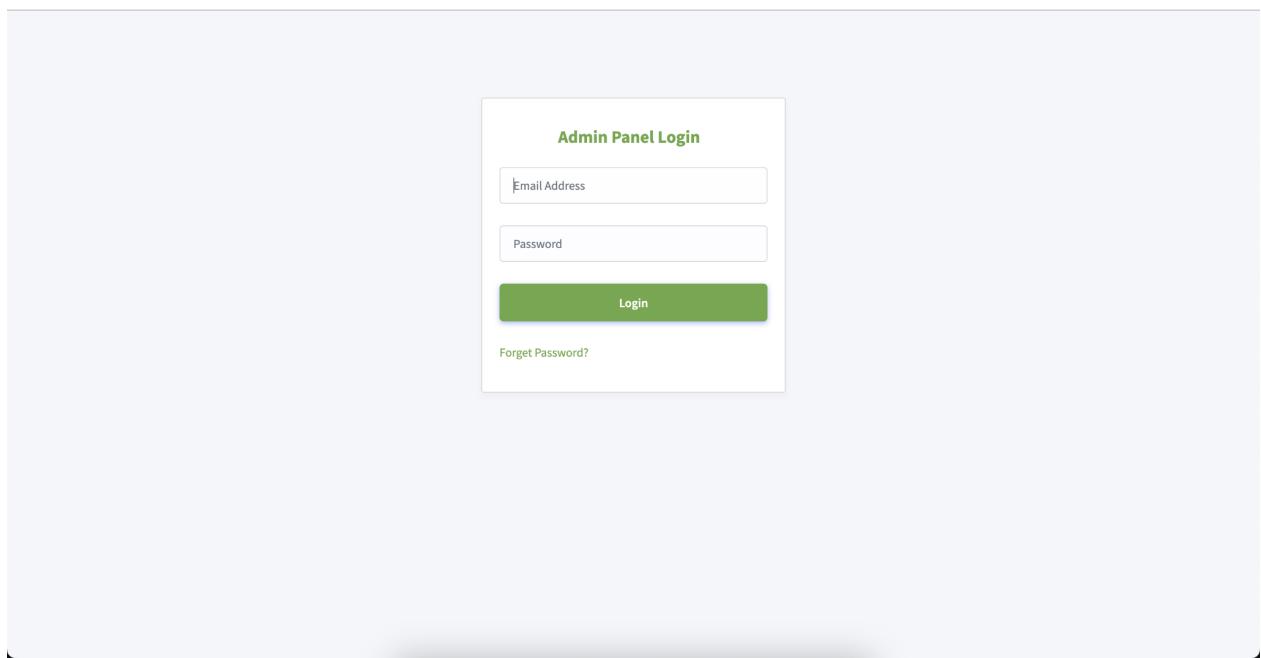


Hình 2.1.1: Màn hình Trang chủ



Hình 2.1.2: Màn hình Trang chủ

2.2. Giao diện Admin:



Hình 2.2.1: Màn hình Admin - Đăng nhập

A screenshot of the Admin Panel Dashboard. On the left is a sidebar with a tree view of menu items under "Admin Panel". The main area has a green header bar with "Front End" and a user profile icon. Below is a section titled "Dashboard" with three cards: "Total News Categories" (12), "Total News" (122), and "Total Users" (45).

Total News Categories	Total News	Total Users
12	122	45

Hình 2.2.2: Màn hình Admin - Dashboard

CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN & HƯỚNG PHÁT TRIỂN

I. TỔNG KẾT:

Trong quá trình phát triển đồ án Website Laravel với chức năng là cổng thông tin tìm kiếm việc làm, chúng ta đã thành công xây dựng một hệ thống linh hoạt và hiệu quả. Website không chỉ cung cấp thông tin việc làm một cách dễ dàng và nhanh chóng mà còn mang lại trải nghiệm người dùng tốt.

Chúng ta đã tích hợp các tính năng quan trọng như:

Tìm Kiếm Nâng Cao: Tính năng này giúp người tìm việc có thể lọc và tìm kiếm công việc theo nhiều tiêu chí khác nhau như ngành nghề, địa điểm, mức lương, v.v.

Hồ Sơ Người Dùng: Chúng ta đã xây dựng một hệ thống hồ sơ cá nhân cho người tìm việc và nhà tuyển dụng. Người dùng có thể quản lý thông tin cá nhân, kinh nghiệm làm việc, và ứng tuyển vào các công việc một cách thuận lợi.

Thông Báo Tự Động: Hệ thống thông báo tự động thông báo người dùng về các công việc phù hợp với hồ sơ của họ, giúp tối ưu hóa quá trình tìm kiếm việc làm.

Giao Diện Người Dùng Thân Thiện: Giao diện người dùng đã được thiết kế sao cho dễ sử dụng và thân thiện với người dùng, tạo ra trải nghiệm trực tuyến tích cực.

Quản Lý Tài Khoản An Toàn: Bảo mật là một ưu tiên hàng đầu. Chúng ta đã tích hợp các biện pháp bảo mật để bảo vệ thông tin cá nhân của người dùng.

II. HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

Để nâng cao chất lượng và tính năng của website, có một số hướng phát triển tiếp theo có thể xem xét:

Tích Hợp Hệ Thống Đánh Giá: Cho phép người tìm việc và nhà tuyển dụng đánh giá lẫn nhau, giúp tạo ra một cộng đồng chất lượng và đáng tin cậy.

Phát Triển Ứng Dụng Di Động: Xây dựng ứng dụng di động để mở rộng phạm vi sử dụng và mang lại trải nghiệm di động thuận tiện.

Kết Nối Với Mạng Xã Hội: Tích hợp chia sẻ công việc và đăng nhập thông qua tài khoản mạng xã hội, tăng tính tương tác và sự tiện lợi cho người dùng.

Phân Tích Dữ Liệu và Thông Kê: Sử dụng công nghệ AI để phân tích dữ liệu người dùng và cung cấp thông tin chi tiết về xu hướng tuyển dụng và nhóm ngành nghề.

Hợp Tác Với Các Doanh Nghiệp: Xây dựng đối tác với các doanh nghiệp để cung cấp thông tin và cơ hội việc làm phong phú hơn cho người tìm việc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài Liệu Chính Thức Laravel:

Laravel Documentation: Đây là nguồn chính thức của Laravel, cung cấp thông tin chi tiết về cách sử dụng và triển khai các tính năng của Laravel.

Hướng Dẫn Laravel:

[Laracasts](#): Nơi này cung cấp hướng dẫn video chất lượng cao về Laravel và các công nghệ liên quan.

Tài Liệu HTML, CSS, JavaScript:

MDN Web Docs: Trang web này cung cấp tài liệu chi tiết về HTML, CSS, và JavaScript.

Tài Liệu MySQL:

MySQL Documentation: Nguồn thông tin chính thức về MySQL, giúp bạn hiểu rõ về cơ sở dữ liệu.

Bảo Mật Website Laravel:

Laravel Security: Phần bảo mật trong tài liệu Laravel sẽ giúp bạn xây dựng một hệ thống an toàn và bảo mật.

Tối Ưu Hóa Hiệu Suất Laravel:

Laravel Performance Optimization Tips: Bài viết này cung cấp một số gợi ý để tối ưu hiệu suất của ứng dụng Laravel.

Xây Dựng Giao Diện Người Dùng Hiện Đại:

Bootstrap Documentation: Bootstrap là một framework phổ biến giúp bạn xây dựng giao diện người dùng đẹp mắt và responsives.

Tài Liệu API Laravel:

API Resources Laravel: Nếu bạn đang xây dựng API, phần này sẽ hướng dẫn về việc sử dụng API Resources trong Laravel.

